

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 2846/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 24 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án tuyên truyền nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026-2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;

Căn cứ Kế hoạch số 227-KH/TU ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;

Căn cứ Chương trình hành động số 07/CTr-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Nai thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ và Kế hoạch số 227-KH/TU ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;

Căn cứ Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030 (những nội dung tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2026-2030) được ban hành tại Báo cáo số 6976/BC-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh tại Tờ trình số 269/TTr-LMHTX ngày 05 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án tuyên truyền nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Báo và Phát thanh, Truyền



hình Đồng Nai; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các tổ chức – chính trị xã hội;
- Các tổ chức xã hội nghề nghiệp;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Kim Long





ĐỀ ÁN

**Tuyên truyền nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể, hợp tác xã
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026 – 2030**

(Kèm theo Quyết định số 2846 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết phải xây dựng Đề án

Kinh tế tập thể (KT TT) được Đảng ta xác định là thành phần kinh tế quan trọng, phải được củng cố, phát triển cùng với kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân¹. Phát triển kinh tế tập thể luôn là mục tiêu xuyên suốt của Đảng và Nhà nước.

Ngày 02/02/2023, Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới, trong đó xác định nhiệm vụ “*Nhận thức đúng, đầy đủ về bản chất, vị trí, vai trò và tầm quan trọng của kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*” là nhiệm vụ đầu tiên cần thực hiện.

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới đã xác định một trong những nhiệm vụ, giải pháp quan trọng là “*Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức và nhân dân, nhận thức đúng, đầy đủ về phát triển kinh tế tập thể là yêu cầu và xu thế tất yếu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta*”.

Những năm qua, nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và người dân về mô hình KT TT, HTX từng bước được nâng lên. KT TT, HTX tỉnh Đồng Nai đã có những bước phát triển cả về số lượng và chất lượng. Hiện toàn tỉnh có 887 HTX, quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) và 02 liên hiệp HTX (LHHTX). Trong đó có 650 HTX QTDND, LHHTX đang hoạt động², thu hút 56.926 thành viên và 16.402 lao động. Ngoài ra, có 2.200 tổ hợp tác (THT), thu

¹ Trích từ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới

² 389 HTX nông nghiệp và 01 liên hiệp HTX, 229 HTX phi nông nghiệp và 32 quỹ TDND

hút 44.387 thành viên. So với năm 2020, số HTX tăng 31,6%, số THT giảm 11,8%; trong đó 51,23% HTX là thành viên Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

Một trong những nguyên nhân góp phần cho những chuyển biến đó là Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai đã làm tốt công tác tuyên truyền, thông tin về vị trí, vai trò của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; về lợi ích, vai trò quan trọng của khu vực KTTT, HTX trong nền kinh tế và tham gia đóng góp vào sự phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, ở bình diện chung, công tác tuyên truyền, thông tin vẫn còn một số hạn chế, bất cập; vì vậy, hiệu quả truyền thông, thông tin chưa cao, nhận thức của một số cấp ủy đảng, chính quyền và một bộ phận cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, quần chúng nhân dân chưa đúng, chưa đầy đủ về bản chất, vai trò, vị trí và đóng góp của khu vực kinh tế tập thể và hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trong phát triển kinh tế - xã hội.

Điều lệ Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5221/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 xác định “*Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai là tổ chức đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác và tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật, hoạt động liên quan đến kinh tế tập thể, hợp tác xã tự nguyện tham gia; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên, được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ, giữ vai trò nòng cốt và thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, làm cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với thành phần kinh tế tập thể, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai*”. Bên cạnh chức năng, nhiệm vụ đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên; một trong những chức năng, nhiệm vụ quan trọng của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai là tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về KTTT, HTX; tập hợp, vận động phát triển KTTT, HTX...

Do vậy, để khu vực KTTT, HTX trên địa bàn tỉnh phát triển bền vững, tập trung các nguồn lực để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, góp phần thay đổi nhận thức và hành động của hệ thống chính trị, quần chúng nhân dân về KTTT, HTX và hoạt động của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai cần thiết phải xây dựng Đề án tuyên truyền nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với lộ trình, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; trở thành công cụ thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2030 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và góp phần triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 20-NQ/TW, Nghị quyết số 09/NQ-CP, Kế hoạch số 227-KH/TU và Chương trình hành động số 35-CTr/TU.

2. Đối tượng, phạm vi triển khai và thời gian thực hiện

2.1. Đối tượng của Đề án:

- Các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là hợp tác xã).
- Cán bộ quản lý, thành viên và người lao động trong các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.
- Cán bộ, đoàn viên, hội viên của tổ chức chính trị - xã hội các cấp và quần chúng nhân dân trên địa bàn tỉnh.
- Cán bộ quản lý kinh tế tập thể các xã, phường.
- Cán bộ, công chức tại các sở, ban, ngành có liên quan đến lĩnh vực KTTT, HTX.
- Thành viên Ban Chỉ đạo Đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã cấp tỉnh và cấp xã.
- Cán bộ, người làm việc trong Cơ quan tham mưu, giúp việc Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai và các đơn vị trực thuộc.
- Các đơn vị, thành viên các đơn vị là thành viên liên kết với Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

2.2. Phạm vi triển khai: Đề án được triển khai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

2. Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20 tháng 6 năm 2023, Quốc hội khóa XV.

3. Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

4. Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2023.

5. Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2030.

6. Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong khu vực kinh tế hợp tác, hợp tác xã.

7. Quyết định số 443/QĐ-BCH ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam về việc phê duyệt Đề án tuyên truyền nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2024 - 2030.

8. Kế hoạch số 227-KH/TU ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

9. Chương trình hành động số 35-CTr/TU ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

10. Chương trình hành động số 07/CTr-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Nai thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ và Kế hoạch số 227-KH/TU ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

11. Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030 (những nội dung tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2026-2030) được ban hành tại Báo cáo số 6976/BC-UBND ngày 18/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai.

12. Quyết định số 5003/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Đồng Nai.

13. Kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 11/5/2021 của UBND tỉnh Bình Phước triển khai thực hiện Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

14. Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh Bình Phước triển khai Chương trình hành động của Chính phủ và Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

15. Công văn số 1165/UBND-KTNS ngày 12/9/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện Đề án “Tuyên truyền nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2024-2030”.

16. Điều lệ Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5221/QĐ-UBND ngày 27/12/2021.

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, THÔNG TIN VỀ KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN

1. Công tác lãnh đạo, triển khai thực hiện công tác tuyên truyền

Trong thời gian qua, thực hiện các chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các cấp phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện nhiều nhiệm vụ và giải pháp tạo tiền đề và động lực góp phần xây dựng và phát triển KTTT, HTX trên địa bàn tỉnh³; dành sự quan tâm và nguồn lực cho công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị và cán bộ quản lý, thành viên, người lao động của các HTX. Liên minh Hợp tác xã tỉnh đã phối hợp với UBND các huyện, thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan thông tấn, báo chí tuyên truyền về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước về phát triển KTTT, HTX; tuyên truyền, thông tin về vị trí, vai trò và hoạt động của Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các HTX; tuyên truyền, giới thiệu các mô hình HTX kiểu mới, mô hình HTX sản xuất, kinh doanh gắn với chuỗi giá trị và ứng dụng công nghệ cao...

Với chức năng, nhiệm vụ được giao, Liên minh Hợp tác xã tỉnh luôn xác định công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về KTTT, HTX là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Do đó, trong Nghị quyết Đại hội Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai khóa VI và Nghị quyết Đại hội Liên minh Hợp tác xã tỉnh Bình Phước khóa V, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và các nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hằng năm đều xác lập các chỉ tiêu, nhiệm vụ và cụ thể hóa từng nhiệm vụ, thời gian hoàn thành, phân công trách nhiệm cho đơn vị, cá nhân chủ trì và đơn vị, cá nhân phối hợp thực hiện... nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, góp phần tư vấn, hỗ trợ phát triển khu vực KTTT, HTX trên địa bàn tỉnh⁴. Tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, thông tin thiết thực thông qua các

³ UBND tỉnh đã ban hành Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021 - 2025; ban hành Quy chế hoạt động Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Đồng Nai. Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể và 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

⁴ Qua đánh giá sơ bộ, dự ước các chỉ tiêu, nhiệm vụ được Đại hội Liên minh Hợp tác xã tỉnh khóa VI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra đều đạt và vượt.

hình thức trực quan, qua mạng xã hội gắn với vận động phát triển thành viên. Trong quá trình triển khai thực hiện, duy trì chế độ giao ban, hội ý để đảm bảo yêu cầu đánh giá, kiểm tra, đôn đốc trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ.

2. Kết quả triển khai công tác tuyên truyền về kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2025

2.1. Công tác tuyên truyền thông qua Trang thông tin điện tử của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai, Liên minh Hợp tác xã tỉnh Bình Phước và phát hành Bản tin kinh tế tập thể, các trang mạng xã hội

- Thường xuyên bổ sung, hoàn thiện, nâng cấp Trang thông tin điện tử của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai (<http://lmhtx.dongnai.gov.vn>) và Liên minh Hợp tác xã tỉnh Bình Phước (<https://lienminhhhtxbinhphuoc.org.vn>); trong giai đoạn 2021 - 30/6/2025, 02 trang thông tin điện tử đã đăng tải hơn 1.725 tin, bài tuyên truyền⁵.

- Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai định kỳ phát hành Bản tin kinh tế tập thể hằng tháng⁶ tuyên truyền những chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước, của tỉnh; tình hình hoạt động của Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các mô hình HTX hoạt động hiệu quả trong và ngoài tỉnh...

- Hằng năm, in ấn và phát hành 2.500 cuốn tài liệu hỏi đáp về Luật Hợp tác xã và các chính sách hỗ trợ phát triển HTX cho thành viên HTX, THT, câu lạc bộ năng suất cao, chủ trang trại, các hội viên các Hội đoàn thể, hộ gia đình, cá nhân, đối tượng để vận động thành lập THT hoặc HTX và phục vụ cho công tác tuyên truyền, chuyển đổi Luật, các lớp tuyên truyền tại cơ sở.

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động truyền thông; ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong thông tin, tuyên truyền, Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai và Liên minh Hợp tác xã tỉnh Bình Phước đều thành lập các nhóm cộng đồng trên Zalo để trao đổi, cập nhật thông tin giữa Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các HTX, quỹ TDND; Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai đã xây dựng trang Zalo Official Account (Zalo OA) và trang fanpage Facebook. Thường xuyên tuyên truyền về các ngày lễ lớn của đất nước, sự kiện quan trọng của tỉnh, của khu vực kinh tế tập thể và của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

- Chủ trì và phối hợp với Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội tổ

⁵ Website Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai đã đăng tải hơn 1.000 tin, bài, phóng sự, kèm ảnh minh họa, 105 văn bản địa phương và Trung ương liên quan tới khu vực KTTT, HTX. Website Liên minh Hợp tác xã tỉnh Bình Phước đăng tải 725 tin, bài về hoạt động của các mô hình KTTT, HTX

⁶ Đã xuất bản 60 số, bình quân 12 số/năm với tổng số 42.000 bản (700 bản/kỳ, 08 trang/bản); từ tháng 4/2025 đến tháng 6/2025 đã xuất bản 03 số (700 bản/kỳ, 16 trang/ bản) phát hành đến Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể cấp tỉnh và các huyện, thành phố; các hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh.

chức tuyên truyền Luật Hợp tác xã 2012, Nghị định số 193/NĐ-CP của Chính phủ; Luật Hợp tác xã năm 2023, Nghị định 113/2024/NĐ-CP và các chương trình chính sách hỗ trợ liên quan đến lĩnh vực kinh tế tập thể cho cán bộ quản lý, thành viên hợp tác xã và hội viên các đoàn thể chính trị - xã hội (Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh)...⁷. Bên cạnh đó, Liên minh HTX tỉnh Bình Phước đã tổ chức Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu Luật Hợp tác xã năm 2023 với 5.530 lượt người tham gia.

2.2. Công tác tuyên truyền thông qua việc tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề

Đa dạng hóa các phương thức tuyên truyền, thông tin, Liên minh Hợp tác xã 02 tỉnh thường xuyên tổ chức các hội thảo, hội nghị chuyên đề dành cho các HTX lĩnh vực nông nghiệp và các HTX lĩnh vực phi nông nghiệp; nhằm giúp cho cán bộ quản lý nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của khu vực kinh tế tập thể trong nền kinh tế; nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành, tăng cường khả năng huy động vốn cho các HTX, giúp cho việc hỗ trợ và quản lý của Nhà nước hiệu quả. Giai đoạn 2020 - 2025 đã tổ chức 12 hội nghị chuyên đề với sự tham dự của hơn 975 đại biểu đại diện cho các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể các huyện, thành phố và các HTX trên địa bàn tỉnh⁸; tập trung vào những vấn đề đang được các HTX quan tâm, nổi bật như: Hội nghị chuyên đề “*Những điểm mới của Luật Hợp tác xã năm 2023, cơ hội, thách thức và những vấn đề đặt ra trong công tác triển khai Luật*”; Hội thảo “*cơ sở pháp lý và định hướng giải pháp hoàn thiện công tác kiểm toán nội bộ Hợp tác xã*”; các hội thảo về chuyển đổi số trong hợp tác xã...

Bên cạnh đó, thông qua các hội nghị, hội thảo do Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường), Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tổ chức, Liên minh Hợp tác xã tỉnh đã tham gia đẩy mạnh

⁷ Liên minh HTX tỉnh Đồng Nai đã tổ chức 78 lớp với 7.242 học viên và Liên minh HTX tỉnh Bình Phước đã tổ chức 01 Hội nghị và 09 lớp tuyên truyền Luật HTX năm 2023 với 585 học viên

⁸ *Liên minh HTX tỉnh Đồng Nai tổ chức các hội nghị*: Hội nghị về cơ sở pháp lý và định hướng giải pháp hoàn thiện công tác kiểm toán nội bộ Hợp tác xã; Hội nghị về chuyển đổi số Hợp tác xã - khởi đầu nhỏ, hiệu quả lớn; Hội nghị về những điểm mới của Luật Hợp tác xã năm 2023, cơ hội, thách thức và những vấn đề đặt ra trong công tác triển khai Luật; Hội nghị về nâng cao vai trò của phụ nữ trong xây dựng, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Hội nghị về Giám đốc Hợp tác xã trong bối cảnh chuyển đổi số; Hội nghị về triển khai những điểm mới của Luật Các tổ chức tín dụng và trao đổi một số vướng mắc trong việc áp dụng các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Các tổ chức tín dụng; Hội nghị thành viên tuyên truyền về Ngày Hợp tác xã Việt Nam 11/4; kỷ niệm 32 năm Ngày thành lập Liên minh Hợp tác xã tỉnh (24/4/1992 - 24/4/2024) và giới thiệu về Tháng hành động vì Hợp tác xã năm 2024”; Hội nghị về “Định hướng nâng cao chất lượng các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã của Liên minh Hợp tác xã tỉnh giai đoạn 2025-2030”.

Liên minh HTX tỉnh Bình Phước tổ chức các hội nghị: Hội nghị tuyên truyền nâng cao nhận thức về mô hình, bản chất KTTT, HTX; Hội nghị trực tuyến và trực tiếp về tuyên truyền, phổ biến những điểm mới của Luật Hợp tác xã năm 2023 và các chương trình, nghị quyết, chính sách của Trung ương, tỉnh về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; Hội nghị về thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng công tác tư vấn, hỗ trợ thành lập mới HTX và Hội nghị về thực trạng và giải pháp xây dựng và phát triển HTX tại các xã nông thôn mới.

tuyên truyền phát triển KTTT, HTX; vai trò nòng cốt của Liên minh Hợp tác xã tỉnh trong phát triển KTTT, HTX.

2.3. Công tác tuyên truyền thông qua việc tư vấn thành lập hợp tác xã

Thực hiện Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 và Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 896/KH-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025, Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh Bình Phước về phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; hằng năm, UBND tỉnh Đồng Nai và UBND tỉnh Bình Phước bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh giao cho Liên minh Hợp tác xã tỉnh thực hiện việc hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã⁹.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh xác định công tác hỗ trợ thành lập mới HTX là một chức năng chính, là một nội dung công tác giữ vai trò quan trọng, góp phần thúc đẩy phong trào xây dựng kinh tế hợp tác, HTX phát triển. Trong giai đoạn 2021 - 2025, Liên minh Hợp tác xã 02 tỉnh đã tư vấn, hướng dẫn cho trên 300 lượt HTX¹⁰ về các chính sách có liên quan đến kinh tế tập thể, hợp tác xã¹¹; hỗ trợ thủ tục thành lập mới cho 119 HTX, trong đó có 82 HTX đã hoàn tất hồ sơ thanh toán và đã nhận kinh phí hỗ trợ thành lập mới, với tổng kinh phí là 1.632 triệu đồng¹². Phối hợp với địa phương và các đơn vị liên quan tiến hành củng cố, sắp xếp, tổ chức lại các HTX hoạt động yếu kém và giải thể các HTX không hiệu quả¹³.

Thông qua các hoạt động trên đã từng bước góp phần tháo gỡ những khó khăn cho các HTX trong việc chuẩn bị các thủ tục, giấy tờ pháp lý để thành lập,

⁹ với các nội dung cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn, phổ biến quy định pháp luật về hợp tác xã trước khi thành lập tổ chức kinh tế tập thể; hỗ trợ tư vấn xây dựng điều lệ, hướng dẫn và thực hiện các thủ tục thành lập, đăng ký và tổ chức hoạt động của tổ chức kinh tế tập thể.

¹⁰ Đồng Nai đã tư vấn, hướng dẫn cho trên 150 lượt HTX; Bình Phước đã tuyên truyền, vận động phát triển mới 150 HTX.

¹¹ Như Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; chính sách đào tạo, xúc tiến thương mại, thuế, đất đai, tín dụng, khoa học công nghệ; tư vấn lập dự án đầu tư, phương án kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị tài chính; lập thủ tục, hồ sơ vay vốn; thủ tục thành lập hợp tác xã; xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh; tổ chức đại hội...

¹² theo Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 12/02/2017 của Bộ Tài chính và Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ Tài chính

¹³ Giai đoạn 2021 - 2025, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã giải thể được 33 HTX và tỉnh Bình Phước đã giải thể được 15 HTX. Tính đến 30/6/2025, còn 237 HTX tạm ngừng hoạt động và chờ giải thể.

lĩnh vực thuế và các lĩnh vực khác trong quá trình hoạt động, giúp các HTX tập trung ổn định phát triển sản xuất kinh doanh.

Song song với việc tư vấn thành lập mới HTX, Liên minh Hợp tác xã tỉnh luôn xác định công tác phát triển thành viên và xây dựng tổ chức Liên minh Hợp tác xã vững mạnh là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Do đó, hằng năm đều phân công nhiệm vụ cho từng cán bộ, người làm việc tại Liên minh Hợp tác xã tỉnh phụ trách địa bàn và giao chỉ tiêu phát triển thành viên mới. Trong 5 năm (2020 - 2025) đã vận động 106 HTX tham gia thành viên. Tổng số thành viên Liên minh Hợp tác xã tỉnh hiện nay là 333 HTX, THT¹⁴; chiếm tỷ lệ 51,23% tổng số HTX đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

2.4. Công tác tuyên truyền thông qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã

Những năm qua, bên cạnh sự hỗ trợ của cấp ủy, chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai về chính sách đất đai, vay vốn tín dụng, liên kết chuỗi, chế biến và bao tiêu sản phẩm, vấn đề quan trọng nhất hiện nay là phải nâng chất lượng cán bộ lãnh đạo cũng như lao động chuyên môn của các HTX; UBND tỉnh đã giao nhiệm vụ và bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh cho Liên minh Hợp tác xã tỉnh thực hiện công tác bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực HTX.

Liên minh Hợp tác xã tỉnh đã triển khai những giải pháp sáng tạo, hiệu quả để nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực HTX. Căn cứ kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển KTTT, HTX trên địa bàn 02 tỉnh Đồng Nai và Bình Phước, hằng năm và nhu cầu thực tế, ngay từ đầu năm, Liên minh Hợp tác xã tỉnh đã xây dựng và ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh. Ký kết các chương trình phối hợp với các trường, cơ sở đào tạo¹⁵ và 04 tổ chức chính trị - xã hội¹⁶ để tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, cán bộ quản lý và thành viên, người lao động các HTX; bồi dưỡng kiến thức về kinh tế tập thể, hợp tác xã cho cán bộ quản lý KTTT các huyện, thị xã, thành phố, các xã, phường, thị trấn và cán bộ các hội đoàn thể cấp huyện, cấp xã. Trong giai đoạn 2020 - 30/6/2025, Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai và Bình Phước đã tổ

¹⁴ Thành viên Liên minh HTX tỉnh Đồng Nai: 226 THT, HTX và Thành viên Liên minh HTX tỉnh Bình Phước: 107 THT, HTX

¹⁵ như: Trường Trung cấp Nghề và đào tạo cán bộ Hợp tác xã miền Nam, Trường Đại học Lâm Nghiệp phân hiệu tại tỉnh Đồng Nai, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, Hiệp hội Quý tín dụng nhân dân Việt Nam và trường Đại học phòng cháy chữa cháy

¹⁶ Tỉnh đoàn, Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Hội Cựu chiến binh tỉnh.

chức bồi dưỡng cho trên 7.500 lượt học viên¹⁷. Bên cạnh chương trình tập huấn tại hội trường, còn kết hợp tổ chức tham quan, học tập thực tế tại các HTX điển hình tiên tiến, hoạt động hiệu quả trong và ngoài tỉnh. Qua đó giúp cho các HTX nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh gắn với thị trường tiêu thụ, làm tốt công tác tài chính, kế toán của HTX.

2.5. Công tác tuyên truyền thông qua việc tổ chức các Đoàn học tập kinh nghiệm và các chương trình xúc tiến thương mại, kết nối giao thương

Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ các HTX, THT học tập kinh nghiệm xây dựng mô hình HTX kiểu mới, tiên tiến giai đoạn 2020 - 2025; qua đó, hằng năm đều tổ chức ít nhất 04 đoàn và đưa cán bộ quản lý KTTT cấp huyện, xã và lãnh đạo các HTX, quỹ TDND đi học tập kinh nghiệm tại các tỉnh, thành phố¹⁸. Bên cạnh việc các tỉnh bạn chia sẻ các kinh nghiệm, cách làm, mô hình hiệu quả; Liên minh Hợp tác xã tỉnh cũng giới thiệu về tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai, chia sẻ những kinh nghiệm trong công tác tham mưu hỗ trợ, thúc đẩy KTTT, HTX phát triển; công tác tham mưu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đơn vị thành viên.

Thông qua Chương trình phối hợp giữa Liên minh Hợp tác xã tỉnh Bình Phước với Liên minh Hợp tác xã các tỉnh An Giang, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đắk Nông, Trà Vinh, đã tổ chức cho 66 lượt HTX thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm giữa các HTX 02 tỉnh với nhau.

- Trong giai đoạn 2020 - 2025, Liên minh Hợp tác xã 02 tỉnh đã phối hợp tổ chức cho 142 lượt HTX tham gia các Hội chợ xúc tiến thương mại do Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Sở Công thương và Liên minh Hợp tác xã các tỉnh tổ chức¹⁹. Bên cạnh đó, các đơn vị phối hợp với Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh để thông tin, giới thiệu cho HTX, THT tham gia các hội chợ; tổ chức các lớp tập huấn về kỹ năng xúc tiến thương mại cho khu vực KTTT; phối hợp thông tin, giới thiệu HTX tham gia Hội nghị giao thương kết nối các HTX, THT với các doanh nghiệp chế biến nông sản; hội nghị kết nối doanh nghiệp đưa sản phẩm an toàn vào siêu thị tại TP. Biên Hòa; Hội thảo Truy xuất nguồn gốc phục vụ xuất khẩu nông sản sang thị trường Trung Quốc; ký kết cung ứng sản phẩm

¹⁷ Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai đã tổ chức 52 lớp bồi dưỡng cho 2.586 lượt học viên tham dự. Liên minh Hợp tác xã tỉnh Bình Phước tổ chức bồi dưỡng cho 4.920 học viên.

¹⁸ Trong giai đoạn 2020 - 2024, Liên minh Hợp tác xã tỉnh đã chủ trì tổ chức 10 Đoàn học tập kinh nghiệm xây dựng mô hình HTX kiểu mới và kết nối giao thương tại 13 tỉnh; gồm: Đồng Tháp, Nghệ An, Vĩnh Phúc, Phú Yên (năm 2022) và Thái Nguyên, Bến Tre, Sóc Trăng - Trà Vinh, Tây Ninh (năm 2023); Quảng Nam - Đà Nẵng, Bình Dương - Bình Phước, Đắk Nông - Đắk Lắk (năm 2024). Riêng năm 2020 và 2021, do dịch Covid-19, Liên minh Hợp tác xã tỉnh không tổ chức.

Số lượt người tham gia: 158 lượt; trong đó, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các đơn vị trực thuộc: 43 lượt người, Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện: 30 lượt người; đại diện các HTX, quỹ TDND: 85 lượt người

¹⁹ Đồng Nai 65 lượt HTX; Bình Phước 60 lượt HTX

hàng hóa của tỉnh vào các hệ thống siêu thị, các sàn thương mại điện tử trên toàn quốc; khuyến khích, hỗ trợ để thúc đẩy hợp tác giữa các doanh nghiệp, HTX, THT và người dân để sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm, nhất là các sản phẩm OCOP; liên kết hình thành các HTX mạnh để thu hút vốn đầu tư, khai thác công nghệ tiên tiến hiện đại, kỹ năng quản lý,... tạo ra sản phẩm mũi nhọn, sản phẩm truyền thống. Đăng ký hỗ trợ ứng dụng tem điện tử để truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa cho 06 HTX; năm 2022 trước ảnh hưởng của Đại dịch Covid 19, Liên minh Hợp tác xã tỉnh đã hỗ trợ 06 HTX kết nối, tiêu thụ 08 tấn các sản phẩm trái cây của nông dân, hộ thành viên HTX; hỗ trợ 02 HTX đăng ký tham gia ứng dụng thương mại điện tử qua "Gian hàng Việt trực tuyến" trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế.

3. Kết quả công tác phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, cấp ủy, chính quyền các cấp tuyên truyền về Luật Hợp tác xã và các chính sách hỗ trợ, phát triển hợp tác xã

Thông qua việc triển khai kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển KTTT, HTX trên địa bàn tỉnh hằng năm và nhu cầu thực tế của các địa phương, UBND tỉnh giao Liên minh Hợp tác xã tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể và các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, truyền thông về KTTT, HTX.

Triển khai thực hiện các Chương trình phối hợp tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới với các sở, ban, ngành, đoàn thể; trong giai đoạn 2020 - 2025, Liên minh Hợp tác xã 02 tỉnh đã ký kết Chương trình phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường), Hội Nông dân tỉnh về đẩy mạnh phát triển kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025²⁰; ký kết Chương trình phối hợp với 04 tổ chức chính trị - xã hội²¹ và Ban Dân tộc về phát triển KTTT, HTX; phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai kế hoạch hàng năm của từng địa phương về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT trên địa bàn. Thường xuyên phối hợp với các sở, ban ngành, đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố làm tốt công tác tuyên truyền, thông qua công tác tuyên truyền trực tiếp tại các đơn vị cấp xã, cấp huyện đến tận cơ sở, khu phố, ấp, tạo sự thống nhất về quan điểm

²⁰ Chương trình phối hợp số 399/SNNPTNT-HND-LMHTXT ngày 24/01/2024 giữa Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn, Hội Nông dân tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh về đẩy mạnh phát triển kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025;

²¹ Chương trình phối hợp số 17/CTPH-HPNT-LMHTXT ngày 17/7/2024 giữa Hội Liên hiệp Phụ nữ và Liên minh Hợp tác xã về hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030; Chương trình phối hợp số 08-CTrPH/HNDT-HLHPNT-ĐTNCSHCM-LMHTX ngày 10/3/2021 giữa Hội Nông dân với Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên minh Hợp tác xã trong xây dựng xã hội nông thôn văn minh, hiện đại, hợp tác xã sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị và Chi Hội Nông dân nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2025.

và hành động trong toàn hệ thống chính trị và quần chúng nhân dân về bản chất, vai trò quan trọng của KTTT, HTX trong xây dựng và phát triển đất nước.

Chủ trì và phối hợp với Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức tuyên truyền Luật Hợp tác xã 2012, Nghị định số 193/NĐ-CP của Chính phủ; Luật Hợp tác xã năm 2023, Nghị định 113/2024/NĐ-CP và các chương trình chính sách hỗ trợ liên quan đến lĩnh vực kinh tế tập thể cho cán bộ quản lý, thành viên hợp tác xã và hội viên các đoàn thể chính trị - xã hội (Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh)...²². Bên cạnh đó, Liên minh HTX tỉnh Bình Phước đã tổ chức Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu Luật Hợp tác xã năm 2023 với 5.530 lượt người tham gia.

4. Kết quả công tác tuyên truyền thông qua việc phối hợp với các cơ quan báo, đài

Để làm tốt công tác tuyên truyền về KTTT, HTX, các mô hình HTX hoạt động hiệu quả, Liên minh Hợp tác xã 02 tỉnh đều ký kết chương trình phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy giai đoạn 2022 - 2025; Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai ký kết chương trình phối hợp với Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai giai đoạn 2018 - 2023, 2024 - 2030²³; chương trình phối hợp với Báo Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2028²⁴. Liên minh Hợp tác xã tỉnh Bình Phước cũng đã có các hình thức phối hợp tuyên truyền trên Báo, Đài tỉnh²⁵. Đồng thời, theo từng sự kiện cụ thể còn nhận được sự quan tâm tham gia đưa tin tuyên truyền của các cơ quan thông tấn báo chí Trung ương và các địa phương khác như Thông tấn xã Việt Nam, Báo Nhân dân, Vietnamnet.vn, VNExpress.vn, Báo Tuổi trẻ, Báo Thanh niên, Báo Pháp luật Việt nam....

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG, TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

²² Liên minh HTX tỉnh Đồng Nai đã tổ chức 78 lớp với 7.242 học viên và Liên minh HTX tỉnh Bình Phước đã tổ chức 01 Hội nghị và 09 lớp tuyên truyền Luật HTX năm 2023 với 585 học viên

²³ giai đoạn 2020 - 2025, Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai đã phối hợp thực hiện 184 nội dung với tổng thời lượng phát sóng là 4.560 phút; trong đó: 144 chuyên đề (thời lượng 05 phút) định kỳ hàng tháng; 20 phóng sự (thời lượng 15 phút); 20 cuộc Tọa đàm (thời lượng 45 phút). Sau khi phát sóng, chương trình được đưa lên trang thông tin điện tử của Đài PT&TH Đồng Nai để khán giả quan tâm tìm hiểu thông tin kỹ hơn hoặc lỡ giờ phát sóng trực tiếp có thể xem lại.

²⁴ Từ năm 2023 đến nay, hai đơn vị đã phối hợp thực hiện chuyên đề định kỳ hàng tháng với tổng số 48 chuyên đề (dung lượng 01 trang/chuyên đề, thời gian phát hành: số báo thứ hai của tuần thứ hai và tuần cuối mỗi tháng); 104 chuyên mục Hỏi - Đáp về kinh tế tập thể (dung lượng 1/4 trang/chuyên mục, thực hiện định kỳ mỗi hàng tuần (50 số báo/năm); thời gian phát hành: số báo thứ hai hàng tuần). Đồng thời, đã cung cấp miễn phí 43.200 tờ Báo Đồng Nai cho các HTX, các cơ quan, tổ chức có liên quan để nắm bắt thông tin và xây dựng thói quen theo dõi thông tin tình hình kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh và cả nước được phát hành có bài viết tuyên truyền về KTTT, HTX.

²⁵ Liên minh Hợp tác xã tỉnh Bình Phước đã phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng với 27 chương trình phóng sự, 288 bài báo và hơn 725 tin, bài, ảnh về KTTT. Ngoài ra, trong năm 2024 và 2025, đơn vị đã phối hợp với Đài phát thanh truyền hình và Báo Bình Phước phát hành chuyên trang Bản tin kinh tế nông nghiệp để tuyên truyền các mô hình THT, HTX làm ăn hiệu quả và phát sóng trên được phát sóng trên kênh BPTV1 vào thứ 2, thứ 4 hàng tuần.

1. Đánh giá chung

Trên cơ sở bám sát các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Chính phủ, của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và hướng dẫn của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; trong giai đoạn 2020 - 2025, tầm quan trọng của công tác tuyên truyền, thông tin về KTTT, HTX đã được nâng lên rõ rệt. Công tác tuyên truyền, thông tin, truyền thông đã thực sự trở thành công cụ hiệu quả để đưa nghị quyết, cơ chế, chính sách về hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã đến với cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân. Có thể nói, người dân trên địa bàn tỉnh cùng các HTX, THT, quỹ TDND và cả các tỉnh, thành lân cận đã tiếp cận được những thông tin chính thức, là diễn đàn hữu hiệu để tuyên truyền vai trò quan trọng của KTTT trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta; vai trò nòng cốt của Liên minh Hợp tác xã tỉnh trong phát triển KTTT, HTX. Vị thế của kinh tế hợp tác, HTX ở Đồng Nai nói chung cũng được nâng tầm lên đáng kể; Liên minh Hợp tác xã tỉnh từng bước khẳng định được vai trò của mình đối với thành viên, đối với khu vực kinh tế tập thể; qua đó góp phần cùng với các ngành, các cấp chính quyền địa phương thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

2. Tồn tại, hạn chế

Mặc dù trong những năm gần đây, công tác tuyên truyền, thông tin về KTTT đã có những bước chuyển biến tích cực và đạt được nhiều kết quả tốt thông qua nhiều phương thức thực hiện khác nhau; tuy nhiên, nhìn chung hiệu quả còn chưa cao; công tác tuyên truyền mới chỉ dừng lại ở các chương trình phối hợp riêng lẻ của các ngành với Liên minh Hợp tác xã tỉnh, hiện chưa có chương trình, đề án tổng thể, kết nối các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh và địa phương. Nội dung còn nặng về tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước mà chưa nêu bật được lợi ích xã hội, hiệu quả kinh tế và những đóng góp tích cực của khu vực kinh tế tập thể trong góp phần phát triển kinh tế địa phương, giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm của địa phương, nhất là tuyên truyền về các mô hình HTX kiểu mới, những cách làm hay, sáng tạo gắn với phong trào khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Nội dung, phương thức tuyên truyền chưa đa dạng, phong phú, còn mang tính truyền thống, còn đơn lẻ, một chiều và có lúc, có nơi chưa phù hợp với nhiều loại đối tượng tuyên truyền nên hiệu quả còn hạn chế; phạm vi đối tượng tuyên truyền còn hẹp, nhất là các đối tượng có tiềm năng tham gia HTX như thanh niên, phụ nữ nông thôn, sinh viên, các tầng lớp trí thức. Việc khai thác các công cụ truyền thông số, ứng dụng công nghệ thông tin và các trang mạng xã hội trong công tác tuyên truyền mặc dù đã được quan tâm nhưng chưa phát huy hết nguồn lực, khả năng tuyên truyền. Hình thức tuyên truyền còn đơn điệu, thiếu tính hấp dẫn và chiều sâu. Tuyên truyền chủ yếu theo hình thức hội nghị, tờ

roi, chưa đa dạng hóa kênh truyền thông như mạng xã hội, video ngắn, truyền thông tương tác. Nội dung tuyên truyền còn khô khan, thiếu gắn kết với các câu chuyện thực tế, điển hình thành công dễ tiếp cận với người dân. Thiếu các sản phẩm truyền thông mang tính chuyên nghiệp, hiện đại phù hợp với xu thế chuyển đổi số. Chưa có đội ngũ tuyên truyền viên chuyên trách, thiếu đào tạo bài bản. Công tác tuyên truyền chủ yếu do cán bộ kiêm nhiệm thực hiện, dẫn đến nội dung chưa nhất quán, thiếu chiều sâu chuyên môn. Đội ngũ tuyên truyền viên cơ sở chưa được tập huấn đầy đủ về Luật HTX, các chính sách mới hoặc kỹ năng truyền thông, vận động cộng đồng.

Từng ngành, từng địa phương, đơn vị tổ chức triển khai chưa đồng đều, còn dàn trải nguồn lực và thiếu tính thường xuyên, liên tục; chưa có nhiều các chiến dịch truyền thông quy mô lớn để tạo hiệu ứng lan tỏa rộng trong toàn xã hội. Một số địa phương chưa chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền riêng, còn chờ sự chỉ đạo từ tỉnh. Nguồn lực tài chính cho công tác tuyên truyền chủ yếu dựa vào ngân sách tỉnh, nhưng chưa được ưu tiên đúng mức. Việc huy động xã hội hóa còn hạn chế do nhận thức chưa cao từ phía doanh nghiệp và các tổ chức liên quan; Chính quyền cấp cơ sở một số nơi vẫn xem kinh tế tập thể là mô hình hỗ trợ xã hội, hoạt động kém hiệu quả, chưa thật sự coi trọng như một thành phần kinh tế quan trọng.

Nhận thức của người dân về kinh tế tập thể chưa đầy đủ, còn nhiều định kiến đặc biệt là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, còn nhầm lẫn giữa mô hình HTX kiểu mới với mô hình HTX kiểu cũ thời bao cấp; Đối với Doanh nghiệp tư nhân chưa thấy được lợi ích khi liên kết hoặc tham gia đầu tư, hợp tác với HTX, do đó còn thờ ơ hoặc đứng ngoài khu vực kinh tế tập thể.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân chủ quan

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa đầy đủ, chưa sâu sắc về bản chất, vai trò của kinh tế tập thể;

- Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý, đặc biệt ở cấp cơ sở còn đánh giá thấp vai trò của kinh tế tập thể trong phát triển kinh tế - xã hội; Chưa thực sự quan tâm chỉ đạo công tác tuyên truyền, xem đây là nhiệm vụ phụ, không thường xuyên; Công tác tham mưu, xây dựng kế hoạch tuyên truyền còn lúng túng, thiếu chủ động;

- Các đơn vị liên quan chưa chủ động đề xuất nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp với từng nhóm đối tượng; Việc cập nhật, phổ biến các chính sách, pháp luật mới về hợp tác xã còn chậm, chưa kịp thời; Đội ngũ cán bộ tuyên truyền còn mỏng, kiêm nhiệm nhiều việc, năng lực truyền thông hạn chế;

- Cán bộ làm công tác tuyên truyền đa số là kiêm nhiệm, chưa được đào

tạo chuyên sâu về kỹ năng truyền thông, vận động cộng đồng; Thiếu sự gắn kết giữa người làm tuyên truyền với các hợp tác xã, chưa phản ánh được đúng thực trạng, nhu cầu và nguyện vọng từ cơ sở; Nguồn lực tài chính chưa đảm bảo, chưa có cơ chế đầu tư dài hạn cho tuyên truyền;

- Kinh phí cho công tác tuyên truyền chưa định hướng lâu dài cho các chương trình, dự án truyền thông quy mô lớn, dài hạn, có tính lan tỏa.

3.2. Nguyên nhân khách quan

- Bối cảnh chuyển đổi kinh tế, xã hội khiến nhiều thành phần kinh tế tư nhân lấn át vai trò của khu vực kinh tế tập thể; Trong nền kinh tế thị trường, người dân và doanh nghiệp có xu hướng ưu tiên sản xuất, kinh doanh độc lập, nên ít quan tâm đến mô hình kinh tế hợp tác, chia sẻ lợi ích; Tâm lý e ngại khi tham gia hợp tác xã vẫn còn phổ biến.

- Luật pháp và chính sách hỗ trợ tuy đã có nhưng còn mới, khó tiếp cận với người dân; Một số quy định của Luật Hợp tác xã năm 2023 còn phức tạp, chưa được truyền đạt đến cơ sở bằng ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu; Chính sách hỗ trợ về đất đai, tín dụng, khoa học công nghệ tuy có nhưng chưa đi vào thực tế, gây tâm lý hoài nghi về hiệu quả khi tham gia HTX;

- Tác động của công nghệ và truyền thông mới chưa được tận dụng hiệu quả; Dù mạng xã hội và các nền tảng truyền thông kỹ thuật số phát triển nhanh, nhưng công tác tuyên truyền về HTX vẫn chủ yếu dừng ở phương pháp truyền thống, thiếu đổi mới; Người trẻ ít được tiếp cận hoặc chưa được hướng dẫn tiếp cận các nội dung tuyên truyền về kinh tế tập thể qua kênh phù hợp.

- Một số cấp ủy, chính quyền, đoàn thể chính trị chưa quan tâm đúng mức đến khu vực KTTT nói chung và công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng các tổ chức KTTT nói riêng; chưa chủ động phối hợp với các ngành liên quan trong thực hiện nhiệm vụ của ngành mình trong công tác hỗ trợ KTTT; một số địa phương chưa tin tưởng năng lực quản lý, phát triển sản xuất kinh doanh của HTX, chưa mạnh dạn vận dụng các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT...

- Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo dõi, quản lý về kinh tế tập thể từ cấp tỉnh đến cơ sở thường xuyên thay đổi và còn thiếu kinh nghiệm; nhiều địa phương, sở, ngành chưa kịp thời bổ sung làm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác phối hợp thực hiện tuyên truyền.

- Nguồn kinh phí dành cho hoạt động tuyên truyền, truyền thông còn hạn chế; nằm rải rác ở các cấp, các ngành và các nguồn khác nhau nên khó triển khai thành các nhiệm vụ lớn, mang tính lâu dài, rộng khắp.

- Đặc điểm tổ chức Liên minh Hợp tác xã tỉnh không có hệ thống đến cấp cơ sở; bên cạnh đó nhiệm vụ chuyên môn của Liên minh Hợp tác xã tỉnh nhiều,

- Đặc điểm tổ chức Liên minh Hợp tác xã tỉnh không có hệ thống đến cấp cơ sở; bên cạnh đó nhiệm vụ chuyên môn của Liên minh Hợp tác xã tỉnh nhiều, đội ngũ cán bộ, người làm việc tại Liên minh Hợp tác xã tỉnh còn thiếu, chưa ổn định cũng phần nào ảnh hưởng đến nhiệm vụ chung. Hầu hết cán bộ, người làm việc tại Liên minh Hợp tác xã tỉnh chưa được đào tạo qua trường lớp chính quy về công tác tuyên truyền, thông tin; còn hạn chế về năng lực, nhất là khả năng khai thác các công cụ truyền thông số, ứng dụng công nghệ thông tin và các trang mạng xã hội. Không có bộ phận làm công tác tuyên truyền, truyền thông riêng và không có cán bộ chuyên trách làm công tác tuyên truyền, thông tin.

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Phải đánh giá đúng tầm quan trọng, tính chiến lược của công tác tuyên truyền, truyền thông về KTTT, HTX đối với các cấp ủy Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; để từ đó có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tạo điều kiện về nguồn lực cho công tác đặc biệt này.

2. Công tác tuyên truyền, thông tin về KTTT, HTX phải bám sát các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Kế hoạch số 227-KH/TU ngày 20/02/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai về triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW; Chương trình hành động số 35-CTr/TU ngày 24/02/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước về triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW; chính sách, pháp luật Nhà nước, trong đó có Luật Hợp tác xã năm 2023.

3. Bên cạnh việc chủ động bố trí nguồn lực và thực hiện công tác tuyên truyền của từng sở, ban, ngành, đoàn thể và các cấp ủy Đảng, chính quyền; cần có sự quan tâm phối hợp, trao đổi thông tin giữa các địa phương, đơn vị, các cơ quan thông tấn, báo chí và với Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai.

4. Trong việc tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động tuyên truyền, truyền thông; cần dành sự quan tâm đầu tư nguồn lực cho việc ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật về phát triển KTTT kịp thời, hiệu quả. Thường xuyên đa dạng hóa phương thức tuyên truyền như diễn đàn, hội thảo, tọa đàm, tổ chức các phong trào thi đua...

5. Quan tâm đầu tư, tuyển chọn, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; chú trọng phát hiện, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh vững vàng, nhạy bén chính trị, có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và hiểu biết sâu về KTTT, HTX. Ưu tiên chuẩn

lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và hiểu biết sâu về KTTT, HTX. Ưu tiên chuẩn hóa nghiệp vụ và hiện đại hóa phương tiện tác nghiệp của đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu mới.

Phần thứ ba **QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ** **VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về KTTT, HTX là nhiệm vụ then chốt, thúc đẩy phát triển khu vực KTTT, HTX phát triển vững mạnh, bền vững; góp phần phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội và giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

2. Công tác tuyên truyền, thông tin, nâng cao nhận thức về KTTT, HTX là nhiệm vụ của các cấp ủy Đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị, trong đó hệ thống Liên minh Hợp tác xã đóng vai trò nòng cốt.

3. Đổi mới hình thức và nâng cao chất lượng hoạt động tuyên truyền, thông tin, truyền thông; kết hợp giữa hình thức truyền thông truyền thống và truyền thông hiện đại, truyền thông số; khai thác, tận dụng hiệu quả các ưu thế của mạng xã hội, phương tiện truyền thông đại chúng để các nội dung tuyên truyền có sức lan tỏa rộng rãi.

4. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội để thực hiện công tác tuyên truyền, trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, đơn vị; thường xuyên kiểm tra, giám sát, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm kịp thời trong quá trình triển khai thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, thông tin, truyền thông nhằm tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước, tập trung là Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Kế hoạch số 227-KH/TU ngày 20/02/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai về triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW; Chương trình hành động số 35-CTr/TU ngày 24/02/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước về triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW; Luật Hợp tác xã năm 2023, Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2030.

Khai thác hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ cho công tác phát triển KTTT nói chung và công tác tuyên truyền nói riêng; đẩy mạnh quảng bá, tuyên truyền đến

các thành phần kinh tế khác, đến các đối tượng khác, tập trung vào thanh niên, phụ nữ, nông dân, trí thức... đang có mong muốn, nhu cầu khởi nghiệp.

Công tác tuyên truyền, thông tin phải góp phần phát triển KTTT cả về số lượng và chất lượng, bảo đảm sự hài hoà trong tất cả các ngành, lĩnh vực, địa bàn; ưu tiên phát triển các tổ chức KTTT gắn với phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức, khai thác và phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

Thông qua công tác tuyên truyền, xây dựng tổ chức Liên minh Hợp tác xã tỉnh ngày càng vững mạnh, là tổ chức đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức KTTT, giữ vai trò nòng cốt và thúc đẩy phát triển KTTT, làm cầu nối giữa Đảng và Nhà nước với thành phần KTTT, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu trong năm 2026

(1) 70% cán bộ quản lý, thành viên, người lao động trong các HTX đang hoạt động trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về phát triển KTTT, HTX và Luật Hợp tác xã năm 2023.

(2) 100% cán bộ, người làm việc, người lao động tại Liên minh Hợp tác xã tỉnh được tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước về phát triển KTTT, HTX và Luật Hợp tác xã năm 2023; Điều lệ Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai.

(3) 80% cán bộ làm công tác tuyên truyền, thông tin các cấp được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ tuyên truyền về KTTT, HTX.

(4) Xây dựng phần mềm (App) dành riêng cho các hợp tác xã và thành viên (có thể cài đặt trên điện thoại di động) để cấp các tài liệu pháp luật và chính sách về kinh tế tập thể mà còn là nơi chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và kết nối giao thương.

(5) Liên minh Hợp tác xã tỉnh quản lý, duy trì hoạt động hiệu quả Trang thông tin điện tử (Website), trang Zalo Official Account (Zalo OA) và trang fanpage Facebook của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai.

(6) Hỗ trợ kinh phí thành lập mới cho 55 HTX trong năm 2026.

(7) Tổ chức ít nhất 08 lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho trên 300 cán bộ, thành viên HTX, quỹ TDND.

(8) Tổ chức 07 lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức hỗ trợ phát triển KTTT, HTX cho trên 500 cán bộ quản lý kinh tế tập thể cấp tỉnh, cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

(9) Tổ chức, tạo điều kiện cho các HTX, THT có nhu cầu tham gia các Hội chợ xúc tiến thương mại dành cho khu vực KTTT, HTX năm 2026 và các Hội nghị kết nối giao thương, xúc tiến thương mại và đầu tư.

(10) Tổ chức 25 lớp/ hội nghị tuyên truyền về Luật Hợp tác xã năm 2023, các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT tại các xã, phường, thị trấn cho ít nhất 3.000 người.

(11) In và phát hành 3.000 cuốn tài liệu hỏi đáp về Luật Hợp tác xã năm 2023.

(12) Thực hiện 24 chuyên đề; 03 phóng sự tài liệu và 02 tọa đàm về KTTT, HTX trên sóng Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai.

(13) Thực hiện 24 chuyên đề bài viết; 52 chuyên mục “Hỏi - Đáp về kinh tế tập thể” trên Báo Đồng Nai; chuyên phát khoảng 850 tờ Báo Đồng Nai có bài viết tuyên truyền về KTTT gửi tặng tới các HTX, THT, quỹ TDND đang hoạt động và các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh.

(14) Tổ chức 02 hội nghị chuyên đề về các HTX theo các lĩnh vực.

(15) Tổ chức 06 đợt học tập kinh nghiệm xây dựng mô hình HTX kiểu mới, tiên tiến tại các tỉnh, thành.

2.2. Mục tiêu từ năm 2027 đến năm 2030

(1) Hoàn thành 100% nhiệm vụ được UBND tỉnh giao cho Liên minh Hợp tác xã tỉnh, sở, ngành và UBND các địa phương trong công tác tuyên truyền Luật Hợp tác xã năm 2023.

(2) Các mục tiêu của năm 2026 sẽ được nâng lên hàng năm theo sự phát triển của kinh tế tập thể, hợp tác xã (có phụ lục kèm theo).

(3) Đến cuối năm 2030, phần đầu xây dựng, hỗ trợ 70% hợp tác xã đạt loại tốt, khá; 27% hợp tác xã đạt loại trung bình; giảm tỷ lệ yếu, kém còn 3%; kiên quyết giải thể các hợp tác xã vi phạm Luật Hợp tác xã hiện hành, không còn khả năng củng cố. Trong đó có ít nhất 50% tham gia liên kết theo chuỗi giá trị.

(4) Phần đầu 80% cán bộ quản lý HTX được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý, điều hành.

(5) Phần đầu 80% cán bộ quản lý, thành viên, người lao động trong các HTX đang hoạt động trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước về phát triển KTTT, HTX và Luật Hợp tác xã năm 2023.

(6) 100% cán bộ làm công tác tuyên truyền, thông tin các cấp được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ tuyên truyền về KTTT, HTX.

III. GIẢI PHÁP VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Đổi mới và đa dạng hóa nội dung, hình thức tuyên truyền

1.1. Nhiệm vụ, giải pháp:

- Định kỳ tổ chức khảo sát, đánh giá nhận thức về khu vực KTTT, HTX của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể và quần chúng nhân dân, nhất là cán bộ quản lý, thành viên, người lao động các HTX.

- Thường xuyên nghiên cứu, xây dựng nội dung, lựa chọn phương thức tuyên truyền bằng nhiều hình thức linh hoạt, sáng tạo, phù hợp, hiệu quả, gắn với việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị của đất nước, của tỉnh, của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trong bối cảnh tình hình mới.

- Sử dụng đa dạng các hình thức tuyên truyền bằng phương tiện trực tiếp, trực tuyến, trực quan; hội nghị báo cáo viên, tuyên truyền viên; thông qua các ấn phẩm tuyên truyền, cuộc thi tìm hiểu, trong sinh hoạt Đảng và sinh hoạt của tổ chức chính trị - xã hội...

1.2. Phân công nhiệm vụ:

- Đơn vị chủ trì tham mưu: Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

1.3. Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

2. Tuyên truyền, truyền thông nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể, hợp tác xã thông qua các sự kiện, hoạt động

2.1. Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn

a) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Định kỳ tổ chức gặp gỡ, đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã trong từng lĩnh vực, địa phương; qua đó tạo mối liên kết giữa các HTX với nhau và giữa các HTX với thành phần kinh tế khác; đồng thời hỗ trợ, tháo gỡ những khó khăn cho khu vực KTTT phát triển.

- Hằng năm tổ chức ít nhất 02 hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn về phát triển KTTT, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp; trong đó lồng ghép nội dung tuyên truyền, nâng cao nhận thức về KTTT, HTX. Số lượng người tham dự ở mỗi hội nghị, hội thảo tối đa 150 người.

- Tổ chức Hội nghị tuyên dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu, có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện Đề án và nhân rộng các mô hình KTTT hoạt động có hiệu quả.

b) Phân công nhiệm vụ:

- Đơn vị chủ trì tham mưu: Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: các sở, ngành có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Hằng năm, từ năm 2026.

2.2. Công tác tuyên truyền thông qua việc tổ chức các Đoàn học tập

kinh nghiệm mô hình hợp tác xã kiểu mới

a) Nhiệm vụ, giải pháp:

Hàng năm tổ chức ít nhất 05 Đoàn học tập kinh nghiệm về xây dựng và phát triển KTTT, HTX, các mô hình HTX kiểu mới tại các tỉnh phía Bắc, miền Trung Tây nguyên, miền Tây Nam bộ, miền Đông Nam bộ. Số lượng mỗi Đoàn: tối đa 30 người. Đối tượng tham gia: Thành viên và Tổ chuyên viên Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã cấp tỉnh và địa phương; các thành viên THT, HTX, Quỹ TDND; cán bộ, người làm việc tại Cơ quan Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các đơn vị trực thuộc.

b) Phân công nhiệm vụ:

- Đơn vị chủ trì tham mưu: Liên minh Hợp tác xã tỉnh.
- Đơn vị phối hợp: các sở, ngành có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Hàng năm, từ năm 2026.

2.3. Tổ chức và tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, kết nối giao thương

a) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Hàng năm tổ chức 03 đoàn cho các HTX tham gia Hội chợ kết nối giao thương HTX với các đơn vị tiêu thụ sản phẩm; bàn giải pháp phối hợp thực hiện hợp tác phát triển hệ thống sản xuất - cung cấp và phân phối sản phẩm của HTX.

- Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nghiệp vụ về xúc tiến thương mại; thông qua đó tuyên truyền, quảng bá về sản phẩm của HTX.

- Giao Liên minh Hợp tác xã tỉnh phối hợp thực hiện chương trình xúc tiến thương mại hàng năm của tỉnh; trong đó tập trung hỗ trợ các HTX, THT kết nối giao thương với các doanh nghiệp lớn để mở rộng thị trường trong nước, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm và xuất khẩu ra thị trường thế giới. Tổ chức các lớp tập huấn xúc tiến thương mại dành cho các HTX.

- Giao Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch xúc tiến thương mại của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam cho các HTX trên địa bàn tỉnh; tổ chức, tạo điều kiện cho các HTX, THT có nhu cầu tham gia các Hội chợ xúc tiến thương mại dành cho khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã hàng năm tại các tỉnh, thành phố (trong đó có hỗ trợ cho các HTX, THT cử người tham gia trực tiếp).

b) Phân công nhiệm vụ:

- Đơn vị chủ trì tham mưu: Liên minh Hợp tác xã tỉnh.
- Đơn vị phối hợp: Sở Công thương, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch

c) Thời gian thực hiện: Hằng năm, từ năm 2026.

2.4. Công tác tuyên truyền thông qua việc tư vấn thành lập mới và củng cố, nâng cao chất lượng hợp tác xã

a) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Tổ chức các lớp tập huấn, cung cấp thông tin, tư vấn, phổ biến quy định pháp luật về KTTT, HTX cho các sáng lập viên; trong đó tập trung tuyên truyền Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Luật Hợp tác xã năm 2023; các quy định pháp luật về KTTT, HTX và các quy định pháp luật có liên quan; các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đối với hoạt động HTX; vai trò của HTX trong xây dựng nông thôn mới; các mô hình HTX tiêu biểu, điển hình; quy trình vận động thành lập mới HTX.

- Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức khác là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia phát triển KTTT, HTX.

- Các sở, ngành, địa phương phối hợp thường xuyên hỗ trợ các HTX nâng cao hiệu quả hoạt động; đối với các HTX yếu kém, ngừng hoạt động thì tham mưu, tư vấn cho các cấp, các ngành giải thể để giải phóng nguồn lực tài sản, khắc phục tư tưởng mặc cảm của mô hình HTX kiểu cũ. Để củng cố HTX yếu kém, cần tuyên truyền hỗ trợ đổi mới về tổ chức bộ máy, cơ chế quản lý, đội ngũ cán bộ, phương thức hoạt động và phân phối tùy theo tình hình thực tế của HTX. Việc củng cố bộ máy quản lý dựa trên việc định hướng lựa chọn cán bộ có trình độ, tâm huyết, năng động, sáng tạo, trong đó ưu tiên những người còn trẻ đã đào tạo, có năng lực chuyên môn đáp ứng thực tiễn.

- Tổ chức các lớp tập huấn, cung cấp thông tin, tư vấn, phổ biến quy định pháp luật về kinh tế tập thể, hợp tác xã tại các HTX cần củng cố. Tư vấn trực tiếp trong việc chỉnh sửa điều lệ, hoàn chỉnh tổ chức hoạt động; hướng dẫn và thực hiện các thủ tục đăng ký lại và tổ chức hoạt động của HTX.

- Giao Liên minh Hợp tác xã tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương, tổ chức các buổi tuyên truyền tập trung theo địa bàn để tuyên truyền, phổ biến các nguyên tắc cơ bản của Luật Hợp tác xã năm 2023; các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đối với hoạt động HTX; mô hình HTX tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; quy trình củng cố, tổ chức lại HTX.

- Giao Liên minh Hợp tác xã tỉnh định kỳ hằng năm tổ chức ít nhất 25 lớp, hội nghị tập huấn, cung cấp thông tin, tư vấn, phổ biến quy định pháp luật về KTTT, HTX cho các thành viên HTX, THT, câu lạc bộ năng suất cao; sáng lập viên thành lập THT, HTX; cán bộ, hội viên các đoàn thể chính trị - xã hội... (tối

đa 100 người/ lớp).

- Tiếp tục giao Liên minh Hợp tác xã tỉnh thực hiện chi hỗ trợ trực tiếp cho các hợp tác xã mới được thành lập; mức chi cụ thể căn cứ Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ Tài chính.

- Giao Liên minh Hợp tác xã tỉnh hằng năm thực hiện việc in và phát hành 3.000 cuốn tài liệu hỏi đáp về Luật Hợp tác xã năm 2023, các chính sách của Đảng, Nhà nước hỗ trợ phát triển KTTT, HTX; phát hành cho thành viên HTX, THT, câu lạc bộ năng suất cao, chủ trang trại, các hội viên các Hội đoàn thể, hộ gia đình, cá nhân, đối tượng dễ vận động thành lập THT hoặc HTX và phục vụ cho công tác tuyên truyền, chuyển đổi Luật, các lớp tuyên truyền tại cơ sở.

b) Phân công nhiệm vụ:

- Đơn vị chủ trì tham mưu: Liên minh Hợp tác xã tỉnh.
- Đơn vị phối hợp: các sở, ngành có liên quan; UBND các địa phương; các đoàn thể chính trị - xã hội.

c) Thời gian thực hiện: Hằng năm, từ năm 2026.

3. Tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh; cấp ủy, chính quyền địa phương

3.1. Nhiệm vụ, giải pháp:

- Các sở, ban ngành, đơn vị có liên quan và UBND các địa phương, thường xuyên phối hợp xây dựng, củng cố, phát triển và nhân rộng mô hình hoạt động của các HTX; vận động thành lập mới HTX. Tham gia cùng với các sở, ngành góp ý các vấn đề có liên quan về các chính sách hỗ trợ, phát triển KTTT. Tổ chức điều tra, khảo sát, nắm bắt nhu cầu; hỗ trợ củng cố các HTX yếu kém, giải thể HTX không còn hoạt động. Hướng dẫn, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các HTX đang hoạt động nâng cao hiệu quả.

- Nghiên cứu, xây dựng nội dung chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng về KTTT, HTX trong trường Chính trị tỉnh và các đơn vị liên quan.

3.2. Phân công nhiệm vụ:

- Đơn vị chủ trì tham mưu: Liên minh Hợp tác xã tỉnh.
- Đơn vị phối hợp: các sở, ngành có liên quan; UBND các địa phương; các đoàn thể chính trị - xã hội.

3.3. Thời gian thực hiện: Hằng năm, từ năm 2026.

4. Tăng cường phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí, truyền thông trong công tác tuyên truyền

4.1. Nhiệm vụ, giải pháp:

- Giao Liên minh Hợp tác xã tỉnh tiếp tục xây dựng và ký kết các Chương trình phối hợp với Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai thực hiện tuyên

truyền về KTTT thông qua các chuyên đề; các cuộc tọa đàm; phóng sự được phát sóng và các bài viết chuyên đề, chuyên mục hỏi - đáp (cả trên báo in và báo điện tử) theo định kỳ. Đồng thời tăng cường phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí, truyền thông để đa dạng kênh tuyên truyền lan tỏa sâu rộng hơn.

- Hằng năm chuyển phát ít nhất 40.800 tờ Báo Đồng Nai có bài viết tuyên truyền về KTTT gửi tặng tới các HTX, THT, quỹ TDND đang hoạt động và các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh theo định kỳ bài viết chuyên đề và chuyên mục “Hỏi - Đáp về kinh tế tập thể”.

4.2. Phân công nhiệm vụ:

- Đơn vị chủ trì tham mưu: Liên minh Hợp tác xã tỉnh.
- Đơn vị phối hợp: Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai.

4.3. Thời gian thực hiện: Hằng năm, từ năm 2026.

5. Công tác tuyên truyền thông qua Trang thông tin điện tử và phát hành Bản tin kinh tế tập thể của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai

5.1. Nhiệm vụ, giải pháp:

- Hằng năm, giao Liên minh Hợp tác xã tỉnh phát hành Bản tin kinh tế tập thể với số lượng phát hành 12 số/năm (ít nhất 850 bản tin/1 số); nội dung thông tin tập trung giới thiệu hoạt động của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai và hoạt động của các đơn vị trực thuộc, các HTX, THT, quỹ TDND. Triển khai các chủ trương của Đảng, cung cấp các văn bản pháp luật về hỗ trợ, phát triển KTTT và khu vực kinh tế tư nhân; các thông tin đào tạo - bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ dành cho HTX và doanh nghiệp...

- Giao Liên minh Hợp tác xã tỉnh thực hiện duy trì Trang thông tin điện tử của Liên minh Hợp tác xã tỉnh theo đúng quy định của Luật Công nghệ thông tin; các văn bản quy phạm pháp luật về ứng dụng công nghệ thông tin; cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng và phù hợp với Điều lệ Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai. Tập trung thông tin, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước nói chung và về KTTT, HTX nói riêng; tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản có liên quan khác về công tác phát triển KTTT, HTX; các hoạt động thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai. Hỗ trợ cho các HTX, THT quảng bá các sản phẩm, bán hàng qua mạng đến khách hàng, người tiêu dùng có thể tìm hiểu về các sản phẩm một cách nhanh chóng, tạo điều kiện thuận tiện trong kinh doanh cho HTX, THT.

5.2. Đơn vị chủ trì tham mưu: Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

5.3. Thời gian thực hiện: Hằng năm, từ năm 2026.

6. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho công tác tuyên truyền; đầu tư nâng cấp trang thiết bị, phương tiện phục

vụ hoạt động tuyên truyền

6.1. Nhiệm vụ, giải pháp:

Giao Liên minh Hợp tác xã tỉnh phối hợp với các đơn vị có chức năng đào tạo, các sở, ban, ngành có liên quan để tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn:

- Định kỳ hằng năm tổ chức ít nhất 01 lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng tuyên truyền, kỹ năng báo chí, truyền thông, tổ chức sự kiện... cho cán bộ, người làm việc tại Liên minh Hợp tác xã tỉnh và đội ngũ cán bộ các cấp làm công tác tuyên truyền, thông tin về KTTT.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho HTX, quỹ TDND; với số lượng ít nhất 10 lớp/năm (trung bình 50 người/lớp; tối đa 3 ngày/ lớp).

- Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về hỗ trợ phát triển KTTT, HTX dành cho cán bộ quản lý kinh tế tập thể các sở, ban ngành, Phó chủ tịch các xã phụ trách KTTT; số lượng 02 lớp/ năm, số lượng người tham dự: 80 người.

- Phối hợp với Tỉnh Đoàn, Hội Nông dân, Hội LH Phụ nữ, Hội CCB tỉnh tổ chức lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức kiến thức về hỗ trợ phát triển KTTT dành cho cán bộ các tổ chức chính trị, đoàn thể xã, phường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; số lượng ít nhất 05 lớp/năm trong 02 ngày, 100 người/lớp.

- Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ được giao, Liên minh Hợp tác xã tỉnh nghiên cứu, đề xuất, lập dự toán để đầu tư nâng cấp trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động tuyên truyền.

6.2. Phân công nhiệm vụ:

- Đơn vị chủ trì tham mưu: Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban ngành; Tỉnh Đoàn, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh; các tổ chức chính trị, đoàn thể xã, phường.

6.3. Thời gian thực hiện: Hằng năm, từ năm 2026.

7. Tích cực tham gia, phối hợp chặt chẽ với Liên minh Hợp tác xã Việt Nam mở rộng và nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động hợp tác quốc tế để thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

7.1. Nhiệm vụ, giải pháp:

- Tích cực tham gia, phối hợp chặt chẽ với Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tổ chức thành công các hoạt động đối ngoại, sự kiện quốc tế.

- Nâng cao năng lực đối ngoại và hội nhập quốc tế của tập thể Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã tỉnh và đội ngũ cán bộ, người làm việc tại Cơ quan Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

- Vận động cán bộ, thành viên và người lao động các HTX thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về đối ngoại nhân dân.

- Khai thác có hiệu quả kinh nghiệm phát triển và các nguồn lực từ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức khác phục vụ cho phát triển KTTT, HTX.

- Tổng hợp nắm bắt nhu cầu của các HTX, THT và thành viên liên kết trong hoạt động xuất, nhập khẩu, giao lưu nhân dân.

7.2. Phân công nhiệm vụ:

- Đơn vị chủ trì tham mưu: Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và các sở, ngành có liên quan.

7.3. Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

IV. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

Đề án tuyên truyền nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2026 - 2030 sau khi được triển khai dự kiến sẽ mang lại những kết quả, hiệu quả sau:

1. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước đến các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các ngành và toàn xã hội; góp phần đưa các chủ trương, chính sách thực sự đi vào cuộc sống.

2. Góp phần nâng cao nhận thức, thay đổi hành động của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các ngành về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, phát triển KTTT, HTX của ngành, của địa phương.

3. Nâng cao nhận thức của hệ thống chính trị, xã hội và quần chúng nhân dân về vai trò quan trọng của KTTT trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta; với nhiều mô hình hợp tác, liên kết, góp phần nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của các thành viên, hộ gia đình; đảm bảo an sinh xã hội, ổn định an ninh, chính trị, đặc biệt là vùng nông thôn; gắn với thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; về vai trò nòng cốt của Liên minh Hợp tác xã tỉnh trong phát triển KTTT, HTX. Từ đó tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực, thu hút đông đảo người dân, đặc biệt là người dân khu vực nông thôn, thanh niên, phụ nữ tham gia HTX; đồng thời tạo môi trường thuận lợi để xây dựng, củng cố, phát triển HTX hiệu quả và bền vững.

4. Xây dựng tổ chức Liên minh Hợp tác xã tỉnh ngày càng vững mạnh, tham gia thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước về KTTT, HTX; là tổ chức đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức KTTT, giữ vai trò nòng cốt và thúc đẩy phát triển KTTT, làm cầu nối giữa Đảng và Nhà nước với thành phần KTTT, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai.

Phần thứ tư TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách tỉnh: 47.465.410.000 đồng.

- Kinh phí chi thường xuyên hằng năm cho công tác tuyên truyền, thông tin được UBND tỉnh giao nhiệm vụ, cấp kinh phí cho Liên minh Hợp tác xã tỉnh thực hiện;

- Chương trình chính sách hỗ trợ xây dựng và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; giai đoạn 2025 - 2030; khoa học công nghệ; khuyến nông; khuyến công; xúc tiến thương mại và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Nguồn vốn ngoài ngân sách: cộng đồng tự huy động các doanh nghiệp; vốn tự có của các doanh nghiệp, HTX, THT, hộ sản xuất; nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ chương trình phát triển KTTT, HTX.

3. Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ tại Đề án, Liên minh Hợp tác xã tỉnh xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hàng năm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội; UBND các địa phương triển khai thực hiện Đề án theo từng nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, từng giai đoạn và hằng năm;

b) Hằng năm lập dự toán kinh phí thực hiện Đề án trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; bố trí ngân sách thực hiện theo quy định.

c) Thường xuyên kịp thời nắm bắt những khó khăn của KTTT, HTX trong quá trình hoạt động để tham mưu và xử lý những vấn đề phát sinh.

d) Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết các hoạt động của Đề án; đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu, có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện Đề án và nhân rộng các mô hình KTTT hoạt động có hiệu quả.

2. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở đề xuất của Liên minh Hợp tác xã tỉnh, tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ vốn ngân sách tỉnh thực hiện Đề án.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hàng năm thực hiện Đề án và các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX.

c) Hướng dẫn thực hiện công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực KTTT;

triển khai, cụ thể hóa các chính sách của Trung ương và đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh.

d) Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX trên địa bàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh và đề xuất giải pháp tháo gỡ.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh lồng ghép các hoạt động của Đề án theo lĩnh vực của Sở và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

4. Sở Công Thương

Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh lồng ghép các hoạt động của Đề án theo lĩnh vực của Sở; tạo điều kiện cho các HTX, THT đăng ký tham gia, tổ chức thực hiện các đề án trong Chương trình khuyến công, Chương trình xúc tiến thương mại hằng năm.

5. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

a) Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh thực hiện các hoạt động của Đề án lồng ghép trong Kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn các đơn vị có liên quan thực hiện các hoạt động tuyên truyền, thông tin của Đề án; đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, nghiệp vụ truyền thông về KTTT, HTX cho đội ngũ cán bộ phụ trách KTTT các cấp và đội ngũ người làm việc tại Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

c) Định hướng cho các cơ quan báo chí, Cổng/trang thông tin điện tử, hệ thống truyền thanh các xã, phường tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; Tăng cường truyền thông gương tốt, các mô hình, điển hình tiêu biểu về thực hiện kinh tế tập thể, hợp tác xã trên các phương tiện truyền thông đúng quy định.

6. Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai

Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ đã ký kết trong Chương trình phối hợp giữa Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai với Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai.

7. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

a) Lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, thông tin; định hướng dư luận xã hội trong hệ thống tuyên giáo các cấp, các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh về KTTT, HTX.

b) Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ đã ký kết trong Chương trình phối hợp giữa Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy với Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức

chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp của tỉnh

a) Trên cơ sở các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trong Đề án nói trên, căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình để tham gia triển khai thực hiện Đề án tuyên truyền nâng cao nhận thức về KTTT, HTX trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2026 - 2030.

b) Tăng cường tuyên truyền về các chính sách hỗ trợ KTTT và HTX; tuyên truyền nhân rộng các mô hình KTTT, HTX hoạt động có hiệu quả cho cán bộ, đoàn viên, hội viên, thành viên của tổ chức mình.

9. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Tiếp tục đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền đến các HTX trên địa bàn và nhân dân về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về KTTT để nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ quản lý, thành viên HTX, người dân và triển khai các chương trình hành động cụ thể nhằm đạt được mục tiêu của Đề án đã đề ra.

b) Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh lồng ghép các hoạt động của Đề án theo lĩnh vực quản lý.

c) Chủ động bố trí nguồn lực để triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ HTX, THT của địa phương.

d) Thường xuyên củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ phụ trách KTTT tại địa phương.

III. THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Hằng năm, các sở, ban, ngành và địa phương căn cứ chức năng nhiệm vụ được phân công để xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ cụ thể của đơn vị.

2. Trước ngày 05/12 hằng năm, các sở, ban, ngành và địa phương báo cáo kết quả về Liên minh Hợp tác xã tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh về kinh tế tập thể, Ủy ban nhân dân tỉnh và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

3. Tiến hành sơ kết và tổng kết thực hiện Đề án đúng thời gian quy định.

Trên đây là Đề án tuyên truyền nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2026 - 2030; đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương, nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Kèm theo Quyết định số 2816 QĐ-UBND ngày 24 / 11 / 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Thẻ loại	Đơn vị tính	Số lượng	Hệ số giá trị tin bài	Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút (đồng)	Thành tiền	Ghi chú
I	Chi nhuận bút					179.010.000	Theo Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực Báo chí; Công/Trang thông tin điện tử; Đài truyền thanh - Truyền hình cấp huyện; bản tin của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Phước
1	Tin tức sự kiện	Tin	60	3	234.000	42.120.000	
2	Tin hoạt động thành viên	Tin	55	3	234.000	38.610.000	
3	Tin tổng hợp	Tin	40	3	234.000	28.080.000	
4	Tranh, ảnh và album hình	Ảnh	100	3	234.000	70.200.000	
II	Chi thù lao biên tập (quản lý và biên tập trang thông tin điện tử)		Nh nhuận bút x 20%			35.802.000	Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT ngày 15/02/2012 của Liên Bộ Tài chính - KH&ĐT - TT&TT
III	Chi phí quản trị, lưu trữ dữ liệu website và CSDL kinh tế tập thể	Phải trả cho đơn vị thực hiện: 12 tháng x 550.000 đồng/tháng				6.600.000	
Cộng (I+II+III):						221.412.000	
Năm 2026						221.412.000	
Năm 2027						221.412.000	
Năm 2028						221.412.000	
Năm 2029						221.412.000	
Năm 2030						221.412.000	
Tổng cộng giai đoạn 2026-2030						1.107.060.000	

Phụ lục 2: Dự toán kinh phí tổ chức Hội nghị chuyên đề giai đoạn 2026-2030
(Kèm theo Quyết định số 2846 /QĐ-UBND ngày 24/11 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Chi hỗ trợ đi lại cho đại biểu (chi hỗ trợ cho DB ở các xã)	Người	1	150	100.000	15.000.000	Khoản 6, Điều 11 của Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
2	Chi photo tài liệu, thư mời	Bộ	1	150	50.000	7.500.000	Khoản 2, Điều 11, Chương III của Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018
3	Văn phòng phẩm	Hội nghị	1	1	500.000	500.000	Khoản 2, Điều 11, Chương III của Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018
4	Chi phí Hội trường, máy chiếu	Ngày	1	1	5.000.000	5.000.000	Khoản 1, Điều 11, Chương III của Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018
5	Khẩu hiệu	Hội nghị	1	1	1.000.000	1.000.000	Khoản 8, Điều 11, Chương III của Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018
6	Chi nước uống cho đại biểu (100.000 đồng/ngày x 150 đại biểu x 1 ngày)	Người	1	150	100.000	15.000.000	Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HDND ngày 03/10/2025 của HDND và Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
7	Chi hỗ trợ tiền ăn trưa cho đại biểu không hưởng lương ngân sách	Người	1	150	200.000	30.000.000	Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HDND ngày 03/10/2025 của HDND và Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC

A. CHI PHÍ XÂY DỰNG PHẦN MỀM					3.735.000.000	
TT	Tên tính toán	Phân loại	ĐVT	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
I	Quản lý người dùng	Web + APP	Gói	1	90.000.000	90.000.000
-	Phân quyền sử dụng					
-	Quản lý đăng nhập					
-	Hồ sơ người dùng					
II	Quản lý truy xuất nguồn gốc					
I	Nhật ký truy xuất nguồn gốc	Web + APP	Gói	1	400.000.000	1.200.000.000
-	Quản lý giai đoạn sản xuất					
-	Quản lý các quy trình sản xuất					
-	Quản lý ghi nhận lịch sử thực hiện các bước sản xuất					
2	Bản đồ số vùng nguyên liệu	Web + APP	Gói	1	400.000.000	400.000.000
-	Quản lý lớp bản đồ sản xuất					
-	Quản lý thông tin các vùng sản xuất					
3	Quản trị mã QR truy xuất nguồn gốc	Web + APP	Gói	1	400.000.000	400.000.000
-	Quản lý sản phẩm					
-	Quản lý phân loại mã QR					
-	Quản lý nhóm sản phẩm					
III	Sản thương mại điện tử	Web + APP	Gói	1	500.000.000	500.000.000
-	Xây dựng sản thương mại điện tử					
-	Kết nối xuất hóa đơn điện tử máy tính tiền					
-	Kết nối phần mềm kế toán báo cáo thuế					
IV	Thống kê báo cáo	Web + APP	Gói	1	400.000.000	400.000.000
-	Báo cáo người dùng					
-	Báo cáo vùng nguyên liệu					
-	Báo cáo sản phẩm					
-	Báo cáo nhật ký sản xuất					
-	Báo cáo mã truy xuất (QR)					
-	Báo cáo tiêu thụ / giao dịch					
-	Báo cáo chứng nhận - chất lượng					
V	Kết nối và hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến	Web + APP	Gói	1	60.000.000	60.000.000
-	Kết nối từ văn online / offline với chuyên gia					
-	Kết nối với kỹ thuật hỗ trợ ứng dụng					
Tổng (chưa bao gồm thuế GTGT)						2.250.000.000
Thuế GTGT: 10%						225.000.000
Tổng cộng (Bao gồm thuế GTGT)						2.475.000.000

Quản trị các lớp bản đồ riêng tương ứng với dữ liệu riêng như Lớp vùng trồng, cơ sở chế biến, kho, trạm giám sát môi trường

Dữ liệu kỹ thuật phục vụ truy xuất và dự báo sản lượng. Giúp xác định chính xác vị trí và quy mô vùng trồng.

Quản lý sản lượng thành phẩm, quy trình phân phối sản phẩm

Quản lý cấp phát QR và sử dụng QR

Phân loại sản phẩm

Xây dựng kênh bán hàng online cung cấp sản phẩm rộng khắp

Kết nối xuất hóa đơn bán hàng dùng quy định của Thuế

Hỗ trợ tổng hợp báo cáo bán hàng đáp ứng quy định Thuế

Theo dõi số lượng và hoạt động người dùng (HTX, nông hộ, khách hàng)

Thống kê quy mô, diện tích, cây trồng, năng suất theo vùng

Quản lý danh mục sản phẩm, chứng nhận, sản lượng

Kiểm soát quy trình sản xuất, số lượng nhật ký, tuần thủ quy trình

Theo dõi số lượng, lượt quét, sản phẩm theo mã QR

Thống kê sản lượng tiêu thụ, đơn hàng, doanh thu

Tổng hợp chứng nhận VietGAP / OCOP / Hữu cơ

Theo dõi log truy cập, hiệu năng, dung lượng lưu trữ

Hỗ trợ kỹ thuật cạnh tác và chế biến sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn xuất nhập khẩu, hỗ trợ tư vấn trong quá trình sản xuất

Hỗ trợ kết nối sử dụng ứng dụng thuận tiện và đơn giản

B. DỰ TOÁN CHI PHÍ THIẾT BỊ PHẦN CỨNG												
STT	Hạng mục	Số lượng	Chi phí ước tính (VNĐ)				Ghi chú					
1	Máy chủ vật lý (5-6 máy)	6					900.000.000	Người dùng đồng thời: 500 – 700 Lượt truy cập/ngày: 100.000+ Dung lượng lưu trữ ảnh/video 1 năm: 10 TB Tốc độ phản hồi API trung bình: < 200 ms Độ sẵn sàng (uptime) ≥ 99,5%				
2	NAS lưu trữ 50TB	1					150.000.000					
3	Thiết bị mạng (Switch, Firewall, Router)	1					120.000.000					
4	UPS, tủ rack, cáp mạng, phụ kiện	1					90.000.000					
Tổng cộng							1.260.000.000					
NĂM 2027- NĂM 2030												
C. CHI PHÍ TỪ NĂM THỨ 2 TRỞ ĐI (SAU THỜI GIẠN BẢO HÀNH):												
TT	Tên hàng hóa	ĐVT	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)							
1	Chi phí vận hành hệ thống phần cứng	Gói / Năm	4	100.000.000	400.000.000							
2	Chi phí bảo trì phần mềm, cập nhật và ưu tiên ứng dụng theo nhu cầu nhất định	Gói / Năm	4	240.000.000	960.000.000							
Tổng (chưa bao gồm thuế GTGT)					1.360.000.000							
Thuế GTGT: 10%					136.000.000							
Tổng cộng (Bao gồm thuế GTGT)					1.496.000.000							

DỰ TOÁN CHI PHÍ THIẾT BỊ PHẦN CỨNG

STT	Hạng mục	Số lượng	Chi phí ước tính (VNĐ)	Note
1	Máy chủ vật lý (5-6 máy)	6	900.000.000	Người dùng đồng thời: 500 – 700
2	NAS lưu trữ 50TB	1	150.000.000	Lượt truy cập/ngày: 100.000+
3	Thiết bị mạng (Switch, Firewall, Router)	1	120.000.000	Dung lượng lưu trữ ảnh/video 1 năm: 10 TB
4	UPS, tủ rack, cáp mạng, phụ kiện	1	90.000.000	Tốc độ phản hồi API trung bình: < 200 ms
5	Tổng đầu tư ban đầu		1.260.000.000	Độ sẵn sàng (uptime) ≥ 99.5%

Kiến trúc tổng thể hệ thống

STT	Thành phần	Chức năng chính	Đề xuất triển khai
1	Web Server (Frontend + API Gateway)	Xử lý truy cập từ web và app, cân bằng tải, điều phối API	2 máy (Active/Standby hoặc Load Balancer)
2	App Server (Backend Services)	Xử lý nghiệp vụ: đăng nhập, nhật ký, mã QR, báo cáo, API nội bộ	2 máy (Cluster hoặc Docker Swarm)
3	Database Server (PostgreSQL / MySQL)	Lưu trữ dữ liệu nghiệp vụ, người dùng, sản phẩm, truy xuất QR	1 Primary + 1 Replica (realtime sync)
4	File Storage / Media Server (MinIO/NAS)	Lưu trữ ảnh, video, tài liệu chứng nhận, QR code	1 máy riêng hoặc NAS 10TB
5	Blockchain Node (nếu dùng)	Lưu vết truy xuất nguồn gốc	1 máy riêng (optional)
6	Monitoring & Backup Server	Giám sát, sao lưu, nhật ký hệ thống	1 máy



Phụ lục 04: Dự toán kinh phí hỗ trợ thành lập mới Hợp tác xã giai đoạn 2026-2030
(Kèm theo Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Tiết a, Khoản 1, Điều 5, Thông tư 124/2021/TT-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ Tài chính; Khoản 7, Điều 1, Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/03/2025 sửa đổi Thông tư 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Điều 4, Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai
I/ Chi tổ chức lớp tập huấn tập trung phổ biến quy định pháp luật về HTX (tối đa 02 lớp)							24.850.000
1	Chi photo tài liệu (02 lớp)	Bộ	2	35	25.000	1.750.000	
2	Chi cắt khâu hiệu	Cái	2	1	700.000	1.400.000	
3	Chi phí thuê hội trường (bao gồm: âm thanh, máy chiếu, ghế xe, vệ sinh)	Ngày	2	1	1.400.000	2.800.000	
4	Chi nước uống sáng lập viên và đại biểu tham dự (50.000 đồng/1 buổi): 4 buổi/2 ngày	Người	4	35	50.000	7.000.000	
5	Hỗ trợ tiền ăn cho các đại biểu không hưởng lương từ ngân sách nhà nước:	Người	2	35	150.000	10.500.000	
6	Thù lao báo cáo viên (02 buổi)	Người	2	1	700.000	1.400.000	
II/ Chi tư vấn xây dựng điều lệ, hướng dẫn và thực hiện các thủ tục							6.550.000
1	Chi hỗ trợ, tư vấn xây dựng điều lệ; hướng dẫn và thực hiện các thủ tục : 60.000 đ/h x 8h/ngày = 480.000 đ/ngày	Ngày	10	1	480.000	4.800.000	Điểm b, khoản 3, Điều 6, Thông tư 124/2021/TT-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ Tài chính
2	Công tác phí (nếu ở xa phải nghỉ lại)	Ngày	5	1	300.000	1.500.000	
3	Chi phí hỗ trợ đi lại cho tư vấn viên	Ngày	5	1	50.000	250.000	
Cộng (I+II):							31.400.000
Số HTX dự kiến hỗ trợ:							55
Cộng 55 HTX							1.727.000.000
Năm 2026							1.727.000.000
Tổng giai đoạn 2026-2030 HTX:							8.635.000.000

Phụ lục 05: Dự toán kinh phí hỗ trợ củng cố Hợp tác xã giai đoạn 2026-2030
Kèm theo Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	1/ Chi tổ chức lớp tập huấn tập trung phổ biến quy định pháp luật về HTX (tối đa 02 lớp)
1	Chi photo tài liệu (02 lớp)	Bộ	2	70	25.000	3.500.000	1/et a, Khoản 1, Điều 5, Thông tư 124/2021/TT-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ Tài chính; Khoản 7, Điều 1, Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/03/2025 sửa đổi Thông tư 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Điều 4, Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai
2	Chi cất khẩu hiệu	Cái	2	1	700.000	1.400.000	
3	Chi phí thuê hội trường (bao gồm: âm thanh, máy chiếu, ghế xe, vệ sinh)	Ngày	2	1	1.400.000	2.800.000	
4	Chi nước uống học viên tham dự (50.000 đồng/1 buổi): 4 buổi/2 ngày	Người	4	70	50.000	14.000.000	
5	Hỗ trợ tiền ăn cho các đại biểu không hưởng lương từ ngân sách nhà nước:	Người	2	70	150.000	21.000.000	
6	Thù lao báo cáo viên (02 buổi)	Người	2	1	700.000	1.400.000	
II/ Chi tư vấn điều chỉnh điều lệ, hồ sơ pháp lý						6.550.000	
1	Chi hỗ trợ, tư vấn xây dựng hoặc sửa đổi điều lệ; hướng dẫn và thực hiện các thủ tục sắp xếp, củng cố lại tổ chức, hoạt động của tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã cho phù hợp với các quy định hiện hành: 60.000 đ/h x 8h/ngày = 480.000 đ/ngày	Ngày	10	1	480.000	4.800.000	Điểm b, khoản 3, Điều 6, Thông tư 124/2021/TT-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ Tài chính
2	Công tác phí (nếu ở xa phải nghỉ lại)	Ngày	5	1	300.000	1.500.000	
3	Chi phí hỗ trợ đi lại	Ngày	5	1	50.000	250.000	
Cộng (I+II):						50.650.000	
Số HTX dự kiến hỗ trợ:						25	
Cộng 25 HTX:						1.266.250.000	
Năm 2026						1.266.250.000	
Tổng giai đoạn 2026-2030:						6.331.250.000	



**Phụ lục 6: Dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, thành viên Hợp tác xã,
Quỹ tín dụng nhân dân năm 2026**
Kiểm tra Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

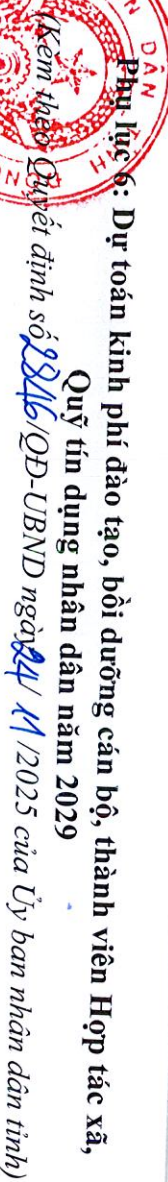
STT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Kinh phí tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân (số lượng 08 lớp, 40 người/lớp, 03 ngày/lớp).						
1	Chi hỗ trợ đi lại cho HV (chi hỗ trợ cho HV ở dưới xã lượt đi và về)	Người		40	100.000	4.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
2	Tiền photo tài liệu	Bộ		40	35.000	1.400.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
3	Chi cất khẩu hiệu	Lớp		1	700.000	700.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
4	Văn phòng phẩm	Lớp				400.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
5	Chi nước uống cho học viên	Người	3	40	100.000	12.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC và TT số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi bổ sung bởi TT 12/2025/BTC của BTC
6	Chi hỗ trợ tiền ăn học viên	Người	3	40	100.000	12.000.000	Điểm a, Khoản 1, Điều 3 của Nghị Quyết 180/2019/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai
7	Chi thuê phòng nghỉ học viên	Phòng	2	20	500.000	20.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC và theo TT 12/2025/BTC ngày 19/3/2025)
8	Chi thù lao giảng viên (bao gồm cả tiền công soạn giáo án bài giảng)	Lớp	3	1	8.000.000	24.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
9	Chi in và cấp giấy chứng nhận	Cái		40	50.000	2.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC

STT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
10	Chi tiền ăn cho giảng viên	Người	3	1	300.000	900.000	Điểm b, Khoản 2, Điều 3 của Nghị Quyết 180/2019/NQ-HDND của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai và theo Điểm a, khoản 1, Điều 3 Nghị quyết 04/2025/NQ-HDND tỉnh Đồng Nai
11	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	Người	3	1	500.000	1.500.000	Điểm a, khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC và theo Thông tư 12/2025/BTC ngày 19/3/2025)
12	Chi hỗ trợ đi lại cho giảng viên lượt đi-về	Người	3	2	450.000	2.700.000	
13	Chi phí khác theo quy định (photo thông báo chiêu sinh, cước bưu điện gửi thông báo, phí chuyển khoản ngân hàng)	Lớp		1	1.000.000	1.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
14	Chi phí quản lý lớp học và nhân công thực hiện	Người	4	7	200.000	5.600.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
Tổng chi phí 01 lớp:						88.200.000	
Số lớp dự kiến:						8	
Tổng 08 lớp (I):						705.600.000	
II	Lớp tuyên truyền, tập huấn kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh (02 lớp, 60 người/lớp, 01 ngày/lớp)						
1	Thù lao giảng viên, báo cáo viên (bao gồm cả tiền công soạn giáo án bài giảng)	Lớp	1	2	8.000.000	16.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
2	Phụ cấp tiền ăn giảng viên, báo cáo viên	Lớp	1	2	300.000	600.000	Điểm b, Khoản 2, Điều 3 của Nghị Quyết 180/2019/NQ-HDND của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai và theo Điểm a, khoản 1, Điều 3 Nghị quyết 04/2025/NQ-HDND tỉnh Đồng Nai
3	Chi hỗ trợ đi lại cho giảng viên lượt đi-về	Lớp	1	4	450.000	1.800.000	Điểm a, khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC và theo Thông tư 12/2025/BTC ngày 19/3/2025)

STT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
4	Tiền tài liệu	Bộ		60	25.000	1.500.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
6	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên	Người	1	60	200.000	12.000.000	Khoản 4, Điều 12 của Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND
7	Phương tiện tập huấn PCCC	Lớp	1	1	15.000.000	15.000.000	Căn cứ Kế hoạch phối hợp với đơn vị tổ chức tập huấn và thanh toán theo thực tế.
8	Chi bằng phòng chữ trang trí hội trường	Lớp	1	1	700.000	700.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
9	Nước uống phục vụ lớp học (50.000 đồng/1 buổi)	Người	1	60	100.000	6.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC và Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi bổ sung bởi TT 12/2025/BTC của BTC
10	Chi văn phòng phẩm phục vụ lớp học (Giấy A0, A4, keo, viết lông,...)	Lớp	1	1	550.000	550.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
11	Chi phí khác theo quy định (photo thông báo chiêu sinh, cước bưu điện gửi thông báo, phí chuyển khoản ngân hàng,...)	Lớp		1	1.000.000	2.500.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
12	Chi phí quản lý lớp học và nhân công thực hiện	Lớp	2	7	200.000	2.800.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
Cộng chi phí 01 lớp:						59.450.000	
Số lớp dự kiến:						2	
Cộng 02 lớp (II):						118.900.000	
Tổng cộng (I) + (II)						824.500.000	

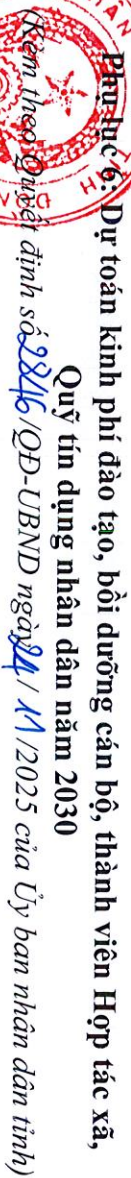
Lớp tuyên truyền, tập huấn kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh (02 lớp, 60 người/lớp, 01 ngày/lớp)							
1	Thủ lao giáo viên, báo cáo viên (bao gồm cả tiền công soạn giáo án bài giảng)	Lớp	1	2	8.000.000	16.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
2	Phụ cấp tiền ăn giảng viên, báo cáo viên	Lớp	1	2	300.000	600.000	Điểm b, Khoản 2, Điều 3 của Nghị Quyết 180/2019/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai và theo Điểm a, khoản 1, Điều 3 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND tỉnh Đồng Nai
3	Chi hỗ trợ đi lại cho giảng viên lượt đi- về	Lớp	1	4	450.000	1.800.000	Điểm a, khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC và theo Thông tư 12/2025/BTC ngày 19/3/2025)
4	Tiền tài liệu	Bộ		60	25.000	1.500.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
6	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên	Người	1	60	200.000	12.000.000	Khoản 4, Điều 12 của Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND
7	Phương tiện tập huấn PCCC	Lớp	1	1	15.000.000	15.000.000	Căn cứ Kế hoạch phối hợp với đơn vị tổ chức tập huấn và thanh toán theo thực tế.
8	Chi bảng phòng chữ trang trí hội trường	Lớp	1	1	700.000	700.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
9	Nước uống phục vụ lớp học (50.000 đồng/1 buổi)	Người	1	60	100.000	6.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC và Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi bổ sung bởi TT 12/2025/BTC của BTC
10	Chi văn phòng phẩm phục vụ lớp học (Giấy A0, A4, keo, viết lông,...)	Lớp	1	1	550.000	550.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
11	Chi phí khác theo quy định (photo thông báo chiêu sinh, cước bưu điện gửi thông báo, phí chuyển khoản ngân hàng,...)	Lớp		1	1.000.000	2.500.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
12	Chi phí quản lý lớp học và nhân công thực hiện	Lớp	2	7	200.000	2.800.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
Cộng chi phí 01 lớp:					59.450.000		
Số lớp dự kiến:					2		
Cộng 02 lớp (II):					118.900.000		
Tổng cộng (I) + (II)					912.700.000		

II Lớp tuyên truyền, tập huấn kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh (02 lớp, 60 người/lớp, 01 ngày/lớp)									
1	Thủ lao giáo viên, báo cáo viên (bao gồm cả tiền công soạn giáo án bài giảng)	Lớp	1	2	8.000.000	16.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC		
2	Phụ cấp tiền ăn giảng viên, báo cáo viên	Lớp	1	2	300.000	600.000	Điểm b, Khoản 2, Điều 3 của Nghị Quyết 180/2019/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai và theo Điểm a, khoản 1, Điều 3 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND tỉnh Đồng Nai		
3	Chi hỗ trợ đi lại cho giảng viên lượt đi- về	Lớp	1	4	450.000	1.800.000	Điểm a, khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC và theo Thông tư 12/2025/BTC ngày 19/3/2025)		
4	Tiền tài liệu	Bộ		60	25.000	1.500.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC		
6	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên	Người	1	60	200.000	12.000.000	Khoản 4, Điều 12 của Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND		
7	Phương tiện tập huấn PCCC	Lớp	1	1	15.000.000	15.000.000	Căn cứ Kế hoạch phối hợp với đơn vị tổ chức tập huấn và thanh toán theo thực tế.		
8	Chi bằng phòng chữ trang trí hội trường	Lớp	1	1	700.000	700.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC		
9	Nước uống phục vụ lớp học (50.000 đồng/1 buổi)	Người	1	60	100.000	6.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC và Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi bổ sung bởi TT 12/2025/BTC của BTC		
10	Chi văn phòng phẩm phục vụ lớp học (Giấy A0, A4, keo, viết lông,...)	Lớp	1	1	550.000	550.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC		
11	Chi phí khác theo quy định (photo thông báo chiêu sinh, cước bưu điện gửi thông báo, phí chuyển khoản ngân hàng, ...)	Lớp		1	1.000.000	2.500.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC		
12	Chi phí quản lý lớp học và nhân công thực hiện	Lớp	2	7	200.000	2.800.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC		
Cộng chi phí 01 lớp:					59.450.000				
Số lớp dự kiến:					2				
Cộng 02 lớp (II):					118.900.000				
Tổng cộng (I) + (II)					1.000.900.000				



lớp, 60 người/lớp, 01 ngày/lớp)

1	Thủ lao giáo viên, báo cáo viên (bao gồm cả tiền công soạn giáo án bài giảng)	Lớp	1	2	8.000.000	16.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
2	Phụ cấp tiền ăn giảng viên, báo cáo viên	Lớp	1	2	300.000	600.000	Điểm b, Khoản 2, Điều 3 của Nghị Quyết 180/2019/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai và theo Điểm a, khoản 1, Điều 3 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND tỉnh Đồng Nai
3	Chi hỗ trợ đi lại cho giảng viên lượt đi- về	Lớp	1	4	450.000	1.800.000	Điểm a, khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC và theo Thông tư 12/2025/BTC ngày 19/3/2025)
4	Tiền tài liệu	Bộ		60	25.000	1.500.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
6	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên	Người	1	60	200.000	12.000.000	Khoản 4, Điều 12 của Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND
7	Phương tiện tập huấn PCCC	Lớp	1	1	15.000.000	15.000.000	Căn cứ Kế hoạch phối hợp với đơn vị tổ chức tập huấn và thanh toán theo thực tế.
8	Chi bằng phòng chữ trang trí hội trường	Lớp	1	1	700.000	700.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
9	Nước uống phục vụ lớp học (50.000 đồng/1 buổi)	Người	1	60	100.000	6.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC và Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi bổ sung bởi TT 12/2025/BTC của BTC
10	Chi văn phòng phẩm phục vụ lớp học (Giấy A0, A4, keo, viết lông,...)	Lớp	1	1	550.000	550.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
11	Chi phí khác theo quy định (photo thông báo chiêu sinh, cước bưu điện gửi thông báo, phí chuyển khoản ngân hàng, ...)	Lớp		1	1.000.000	2.500.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
12	Chi phí quản lý lớp học và nhân công thực hiện	Lớp	2	7	200.000	2.800.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
Cộng chi phí 01 lớp:					59.450.000		
Số lớp dự kiến:					2		
Cộng 02 lớp (II):					118.900.000		
Tổng cộng (I) + (II)					1.089.100.000		



Phụ lục 6: Dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, thành viên Hợp tác xã,

STT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Kinh phí tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho Hợp tác xã, Quý tín dụng nhân (số lượng 12 lớp, 40 người/lớp, 03 ngày/lớp).						
1	Chi hỗ trợ đi lại cho HV (chi hỗ trợ cho HV ở dưới xã lượt đi và về)	Người		40	100.000	4.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
2	Tiền photo tài liệu	Bộ		40	35.000	1.400.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
3	Chi cất khẩu hiệu	Lớp		1	700.000	700.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
4	Văn phòng phẩm	Lớp				400.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
5	Chi nước uống cho học viên	Người	3	40	100.000	12.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC và TT số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi bổ sung bởi TT 12/2025/BTC của BTC
6	Chi hỗ trợ tiền ăn học viên	Người	3	40	100.000	12.000.000	Điểm a, Khoản 1, Điều 3 của Nghị Quyết 180/2019/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai
7	Chi thuê phòng nghỉ học viên	Phòng	2	20	500.000	20.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC và theo TT 12/2025/BTC ngày 19/3/2025)
8	Chi thù lao giảng viên (bao gồm cả tiền công soạn giáo án bài giảng)	Lớp	3	1	8.000.000	24.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
9	Chi in và cấp giấy chứng nhận	Cái		40	50.000	2.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
10	Chi tiền ăn cho giảng viên	Người	3	1	300.000	900.000	Điểm b, Khoản 2, Điều 3 của Nghị Quyết 180/2019/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai và theo Điểm a, khoản 1, Điều 3 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND tỉnh Đồng Nai
11	Chi thuê phòng nghỉ cho giảng viên	Người	3	1	500.000	1.500.000	Điểm a, khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC và theo
12	Chi hỗ trợ đi lại cho giảng viên lượt đi- về	Người	3	2	450.000	2.700.000	Thông tư 12/2025/BTC ngày 19/3/2025)
13	Chi phí khác theo quy định (photo thông báo chiêu sinh, cước bưu điện gửi thông báo, phí chuyển khoản ngân hàng,...)	Lớp		1	1.000.000	1.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
14	Chi phí quản lý lớp học và nhân công thực hiện	Người	4	7	200.000	5.600.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
	Tổng chi phí 01 lớp:						88.200.000
	Số lớp dự kiến:						12
	Tổng 12 lớp (I):						1.058.400.000
II	Lớp tuyên truyền, tập huấn kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh (02 lớp, 60 người/lớp, 01 ngày/lớp)						

1	Thủ lao giáo viên, báo cáo viên (bao gồm cả tiền công soạn giáo án bài giảng)	Lớp	1	2	8.000.000	16.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
2	Phụ cấp tiền ăn giảng viên, báo cáo viên	Lớp	1	2	300.000	600.000	Điểm b, Khoản 2, Điều 3 của Nghị Quyết 180/2019/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai và theo Điểm a, khoản 1, Điều 3 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND tỉnh Đồng Nai
3	Chi hỗ trợ đi lại cho giảng viên lượt đi-về	Lớp	1	4	450.000	1.800.000	Điểm a, khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC và theo Thông tư 12/2025/BTC ngày 19/3/2025)
4	Tiền tài liệu	Bộ		60	25.000	1.500.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
6	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên	Người	1	60	200.000	12.000.000	Khoản 4, Điều 12 của Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND
7	Phương tiện tập huấn PCCC	Lớp	1	1	15.000.000	15.000.000	Căn cứ Kế hoạch phối hợp với đơn vị tổ chức tập huấn và thanh toán theo thực tế.
8	Chi bằng phong chữ trang trí hội trường	Lớp	1	1	700.000	700.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
9	Nước uống phục vụ lớp học (50.000 đồng/1 buổi)	Người	1	60	100.000	6.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC và Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi bổ sung bởi TT 12/2025/BTC của BTC
10	Chi văn phòng phẩm phục vụ lớp học (Giấy A0, A4, keo, viết lông,...)	Lớp	1	1	550.000	550.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
11	Chi phí khác theo quy định (photo thông báo chiêu sinh, cước bưu điện gửi thông báo, phí chuyển khoản ngân hàng,...)	Lớp		1	1.000.000	2.500.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
12	Chi phí quản lý lớp học và nhân công thực hiện	Lớp	2	7	200.000	2.800.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC
	Cộng chi phí 01 lớp:					59.450.000	
	Số lớp dự kiến:					2	
	Cộng 02 lớp (II):					118.900.000	
	Tổng cộng (I) + (II)					1.177.300.000	

Phụ lục 07: Dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế tập thể của các xã, phường và các Hội đoàn thể chính trị - xã hội năm 2026
Kèm theo Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Lớp bồi dưỡng dành cho cán bộ quản lý kinh tế tập thể các xã, ban ngành, Phó chủ tịch các xã phụ trách KTTT (2 lớp)						
1	Tiền photo tài liệu	Bộ		80	35.000	2.800.000	Điều a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
2	Văn phòng phẩm	Lớp		1	350.000	350.000	Điều a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
3	Chi cắt khâu hiệu	Khung		1	700.000	700.000	Điều a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
4	Chi hỗ trợ đi lại cho HV(chi hỗ trợ cho HV ở các xã phường trên 15 km)	Người		2	80	16.000.000	Điều a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
5	Chi nước uống cho học viên	Người		1	80	100.000	Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND và Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
6	Chi hỗ trợ tiền ăn học viên	Người		1	80	80.000	Điều a, khoản 1 điều 3 của Nghị Quyết 180/2019/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai (căn cứ điểm c khoản 2 phần III của QĐ 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ)
11	Chi thù lao cho giảng viên (bao gồm cả tiền công soạn giáo án bài giảng)	Người		1	1	8.000.000	Điều a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
12	Chi tiền ăn của giảng viên	Người		1	1	300.000	Điều a, khoản 1, Điều 3 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND tỉnh Đồng Nai
13	Chi hỗ trợ đi lại cho giảng viên đi về	Người		1	2	450.000	Điều a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
14	Chi phí khác theo quy định (photo thông báo chiêu sinh, cước bưu điện gửi thông báo, phí chuyển khoản ngân hàng...)	Lớp		1	1.000.000	1.000.000	Điều a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
15	Chi phí quản lý lớp học và nhân công thực hiện	Người		2	7	200.000	Điều a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
	Cộng chi phí của 01 lớp (I):						47.250.000
	Số lớp						2
	Cộng 02 lớp						94.500.000
II	Lớp bồi dưỡng dành cho cán bộ chức chính trị, đoàn thể xã, phường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (05 lớp- 02 ngày, 100 người/lớp, phối hợp với Tỉnh Đoàn, Hội Nông dân,						
1	Tiền photo tài liệu	Bộ		100	35.000	3.500.000	Điều a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
2	Văn phòng phẩm	Lớp		1	350.000	350.000	Điều a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
3	Chi cắt khâu hiệu	Khung		1	700.000	700.000	Điều a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
4	Chi phí thuê hội trường	Lớp	2	1	2.000.000	4.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
5	Chi hỗ trợ đi lại cho HV (đi - về)	Người	2	100	50.000	10.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
6	Chi nước uống cho học viên	Người	2	100	100.000	20.000.000	Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND và Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
7	Chi hỗ trợ tiền ăn học viên	Người	2	100	80.000	16.000.000	Điểm a, khoản 1 điều 3 của Nghị Quyết 180/2019/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai (căn cứ điểm c khoản 2 phần III của QĐ 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ)
8	Chi thuê phòng nghỉ học viên	Phòng	1	50	400.000	20.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
10	Chi thù lao của giảng viên (bao gồm cả tiền công soạn giáo án bài giảng)	Người	2	1	8.000.000	16.000.000	Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND và Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
11	Chi tiền ăn của giảng viên	Người	2	1	300.000	600.000	Điểm a, khoản 1, Điều 3 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND tỉnh Đồng Nai
12	Chi thuê phòng nghỉ giảng viên	Phòng	2	1	500.000	1.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
13	Chi hỗ trợ đi lại cho giảng viên đi- về	Người	2	2	450.000	1.800.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
14	Chi phí khác theo quy định (photo thông báo chiêu sinh, cước bưu điện gửi thông báo, phí chuyển khoản ngân hàng,...)	Lớp		1	1.000.000	1.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
15	Chi phí quản lý lớp học và nhân công thực hiện	Người	2	7	200.000	2.800.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
	Cộng chi phí của 01 lớp:					97.750.000	
	Số lớp:					5	
	Cộng 5 lớp (II):					488.750.000	
	Tổng cộng (I+II):					583.250.000	



Phụ lục 07: Dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế tập thể của các xã, phường và các Hội đoàn thể chính trị - xã hội năm 2028
(Kèm theo Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Khoản mục chi phí	DVT	số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Chi chú
I	Lớp bồi dưỡng dành cho cán bộ quản lý kinh tế tập thể các xã, ban ngành, Phó chủ tịch các xã phụ trách KTTT (3 lớp)						
1	Tiền photo tài liệu	Bộ		80	35.000	2.800.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
2	Văn phòng phẩm	Lớp		1	350.000	350.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
3	Chi cất khẩu hiệu	Khung		1	700.000	700.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
4	Chi hỗ trợ đi lại cho HV(chi hỗ trợ cho HV ở các xã phường trên 15 km)	Người	2	80	100.000	16.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
5	Chi nước uống cho học viên	Người	1	80	100.000	8.000.000	Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HDND ngày 03/10/2025 của HDND và Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
6	Chi hỗ trợ tiền ăn học viên	Người	1	80	80.000	6.400.000	Điểm a, khoản 1 điều 3 của Nghị Quyết 180/2019/NQ-HDND của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai (căn cứ điểm c khoản 2 phần III của QĐ 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ)
11	Chi thù lao cho giảng viên (bao gồm cả tiền công soạn giáo án bài giảng)	Người	1	1	8.000.000	8.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
12	Chi tiền ăn của giảng viên	Người	1	1	300.000	300.000	Điểm a, khoản 1, Điều 3 Nghị quyết 04/2025/NQ-HDND tỉnh Đồng Nai
13	Chi hỗ trợ đi lại cho giảng viên đi về	Người	1	2	450.000	900.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
14	Chi phí khác theo quy định (photo thông báo chiêu sinh, cước bưu điện gửi thông báo, phí chuyển khoản ngân hàng, ...)	Lớp		1	1.000.000	1.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
15	Chi phí quản lý lớp học và nhân công thực hiện	Người	2	7	200.000	2.800.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
	Cộng chi phí của 01 lớp (I):						47.250.000
	Số lớp						3
	Cộng 03 lớp						141.750.000
II	Lớp bồi dưỡng dành cho cán bộ các tổ chức chính trị, đoàn thể xã, phường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (06 lớp- 02 ngày, 100 người/lớp, phối hợp với Tỉnh						
1	Tiền photo tài liệu	Bộ		100	35.000	3.500.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
2	Văn phòng phẩm	Lớp		1	350.000	350.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC

3	Chi cắt khẩu hiệu	Khung		1	700.000	700.000	Điều a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
4	Chi phí thuê hội trường	Lớp	2	1	2.000.000	4.000.000	Điều a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
5	Chi hỗ trợ đi lại cho HV (đi - về)	Người	2	100	50.000	10.000.000	Điều a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
6	Chi nước uống cho học viên	Người	2	100	100.000	20.000.000	Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HDND ngày 03/10/2025 của HDND và Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
7	Chi hỗ trợ tiền ăn học viên	Người	2	100	80.000	16.000.000	Điều a, khoản 1 điều 3 của Nghị Quyết 180/2019/NQ-HDND của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai (căn cứ điểm c khoản 2 phần III của QĐ 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ)
8	Chi thuê phòng nghỉ học viên	Phòng	1	50	400.000	20.000.000	Điều a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
10	Chi thù lao của giảng viên (bao gồm cả tiền công soạn giáo án bài giảng)	Người	2	1	8.000.000	16.000.000	Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HDND ngày 03/10/2025 của HDND và Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
11	Chi tiền ăn của giảng viên	Người	2	1	300.000	600.000	Điều a, khoản 1, Điều 3 Nghị quyết 04/2025/NQ-HDND tỉnh Đồng Nai
12	Chi thuê phòng nghỉ giảng viên	Phòng	2	1	500.000	1.000.000	Điều a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
13	Chi hỗ trợ đi lại cho giảng viên đi-	Người	2	2	450.000	1.800.000	Điều a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
14	Chi phí khác theo quy định (photo thông báo chiêu sinh, cước bưu điện gửi thông báo, phí chuyển khoản ngân hàng, ...)	Lớp		1	1.000.000	1.000.000	Điều a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
15	Chi phí quản lý lớp học và nhân công thực hiện	Người	2	7	200.000	2.800.000	Điều a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
Cộng chi phí của 01 lớp:					97.750.000		
Số lớp:					6		
Cộng 6 lớp (II):					586.500.000		
Tổng cộng (I+II):					728.250.000		

Phụ lục 07/ Dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế tập thể của các xã, phường và các Hội đoàn thể chính trị - xã hội năm 2030
(Kèm theo Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I Lớp bồi dưỡng dành cho cán bộ quản lý kinh tế tập thể các xã, ban ngành, Phó chủ tịch các xã phụ trách KTTT (3 lớp)							
1	Tiền photo tài liệu	Bộ		80	35.000	2.800.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
2	Văn phòng phẩm	Lớp		1	350.000	350.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
3	Chi cất khẩu hiệu	Khung		1	700.000	700.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
4	Chi hỗ trợ đi lại cho HV(chi hỗ trợ cho HV ở các xã phường trên 15 km)	Người		2	80	160.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
5	Chi nước uống cho học viên	Người		1	80	80.000	Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND và Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
6	Chi hỗ trợ tiền ăn học viên	Người		1	80	80.000	Điểm a, khoản 1 điều 3 của Nghị Quyết 180/2019/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai (căn cứ điểm c khoản 2 phần III của QĐ 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ)
11	Chi thù lao cho giảng viên (bao gồm cả tiền công soạn giáo án bài giảng)	Người		1	1	8.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
12	Chi tiền ăn của giảng viên	Người		1	1	300.000	Điểm a, khoản 1, Điều 3 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND tỉnh Đồng Nai
13	Chi hỗ trợ đi lại cho giảng viên đi- về	Người		1	2	450.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
14	Chi phí khác theo quy định (photo thông báo chiêu sinh, cước bưu điện gửi thông báo, phí chuyển khoản ngân hàng, ...)	Lớp		1	1.000.000	1.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
15	Chi phí quản lý lớp học và nhân công thực	Người		2	7	2.800.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
Cộng chi phí của 01 lớp (I):						47.250.000	
Số lớp						3	
Cộng 03 lớp						141.750.000	
II Lớp bồi dưỡng dành cho cán bộ chức chính trị, đoàn thể xã, phường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (07 lớp- 02 ngày, 100 người/lớp, phối hợp với Tỉnh Đoàn, Hội Nông dân, Hội LH Phụ							
1	Tiền photo tài liệu	Bộ		100	35.000	3.500.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
2	Văn phòng phẩm	Lớp		1	350.000	350.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
3	Chi cất khẩu hiệu	Khung		1	700.000	700.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
4	Chi phí thuê hội trường	Lớp		2	1	2.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
5	Chi hỗ trợ đi lại cho HV (đi - về)	Người		2	100	50.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC
6	Chi nước uống cho học viên	Người		2	100	100.000	Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND và Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
7	Chi hỗ trợ tiền ăn học viên	Người		2	100	80.000	Điểm a, khoản 1 điều 3 của Nghị Quyết 180/2019/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai (căn cứ điểm c khoản 2 phần III của QĐ 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ)
8	Chi thuê phòng nghỉ học viên	Phòng		1	50	400.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Thông tư 100/2025/TT-BTC

[illegible]

Phụ lục 08: Dự toán kinh phí tuyên truyền thông qua việc tổ chức các Đoàn học tập kinh nghiệm
mô hình hợp tác xã kiểu mới giai đoạn 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	Khoản mục chi phí	DVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	NĂM 2026						

1. Học tập thực tế xây dựng mô hình HTX lĩnh vực Nông nghiệp tại các tỉnh Nam Trung Bộ (05 ngày, 30 người)

1	Chi thuê xe ô tô 35 chỗ ngồi (chở đoàn đi từ Liên minh HTX tỉnh Đồng Nai - các tỉnh Nam Trung Bộ và ngược lại)	Chuyến		1	50.000.000	50.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
2	Chi phụ cấp lưu trú cho đoàn đi học tập thực tế	Người	5	30	300.000	45.000.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
3	Chi thuê phòng nghỉ cho lãnh đạo đoàn (2 người): 4 đêm x 2 phòng	Phòng	4	2	800.000	6.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (thanh toán theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Chi thuê phòng nghỉ cho 28 thành viên đoàn: 4 đêm x 14 phòng (2 người/phòng)	Phòng	4	14	1.100.000	61.600.000	
5	Chi phí khác theo quy định (phở, van ban, cước bưu điện gửi, phí chuyển khoản ngân hàng...)					1.400.000	

2. Học tập thực tế xây dựng mô hình Quy tín dụng nhân dân tại các tỉnh Đồng Nam Bộ (05 ngày, 30 người)

1	Chi thuê xe ô tô 35 chỗ ngồi (chở đoàn đi từ Liên minh HTX tỉnh Đồng Nai - các tỉnh Đồng Nam Bộ và ngược lại)	Chuyến		1	35.000.000	35.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
2	Chi phụ cấp lưu trú cho đoàn đi học tập thực tế	Người	5	30	300.000	45.000.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
3	Chi thuê phòng nghỉ cho lãnh đạo đoàn (2 người): 4 đêm x 2 phòng	Phòng	4	2	800.000	6.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (thanh toán theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Chi thuê phòng nghỉ cho 28 thành viên đoàn: 4 đêm x 14 phòng (2 người/phòng)	Phòng	4	14	1.100.000	61.600.000	
5	Chi phí khác theo quy định (photo văn bản, cước bưu điện gửi, phí chuyển khoản ngân hàng...)					1.400.000	

3. Học tập thực tế xây dựng mô hình HTX lĩnh vực thương mại dịch vụ tại các tỉnh Tây Nguyên (05 ngày, 30 người)

1	Chi thuê xe ô tô 35 chỗ ngồi (chở đoàn đi từ Biên Hòa - các tỉnh Tây Nguyên và ngược lại)	Chuyến		1	50.000.000	50.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
---	---	--------	--	---	------------	------------	--

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
6	Chi thuê phòng nghỉ cho 16 thành viên đoàn: 4 đêm x 8 phòng (2 người/phòng)	Phòng	4	8	1.100.000	35.200.000	04/2023/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (tư nhân toàn theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
7	Tiền vé máy bay khứ hồi (2 lượt)	Người	2	18	3.200.000	115.200.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
8	Chi phí khác theo quy định (photo VB, cước bưu điện, phí CK ngân hàng, ...)					1.400.000	
6. Học tập thực tế xây dựng mô hình HTX xây dựng tại các tỉnh Bắc Bộ (05 ngày, 18 người)						230.000.000	
1	Tiền thuê xe di chuyển từ Liên minh - sân bay Tân Sơn Nhất và ngược lại (18 người)	Lượt	1	2	3.200.000	6.400.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
2	Tiền thuê xe di chuyển từ sân bay các tỉnh Bắc Bộ về khách sạn và ngược lại (18 người)	Lượt	1	2	3.200.000	6.400.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Tiền thuê xe đi lại làm việc tại các tỉnh Bắc Bộ	Chuyến		1	32.000.000	32.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Chi phụ cấp lưu trú cho đoàn đi học tập thực tế	Người	5	18	300.000	27.000.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
5	Chi thuê phòng nghỉ cho lãnh đạo đoàn (2 người): 4 đêm x 2 phòng	Phòng	4	2	800.000	6.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (thanh toán theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
6	Chi thuê phòng nghỉ cho 16 thành viên đoàn: 4 đêm x 8 phòng (2 người/phòng)	Phòng	4	8	1.100.000	35.200.000	
7	Tiền vé máy bay khứ hồi (2 lượt)	Người	2	18	3.200.000	115.200.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
8	Chi phí khác theo quy định (photo VB, cước bưu điện, phí CK ngân hàng, ...)					1.400.000	
	Tổng cộng (1+2+3+4+ 5+6):					1.102.600.000	
II	NĂM 2027						
1. Học tập thực tế xây dựng mô hình HTX lĩnh vực môi trường tại các tỉnh Đồng Nam Bộ (05 ngày, 30 người)						149.500.000	
1	Chi thuê xe ô tô 35 chỗ ngồi (chờ đoàn đi từ Biên Hòa - các tỉnh Đồng Nam Bộ và ngược lại)	Chuyến		1	35.000.000	35.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
2	Chi phụ cấp lưu trú cho đoàn đi học tập thực tế	Người	5	30	300.000	45.000.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
3	Chi thuê phòng nghỉ cho lãnh đạo đoàn (2 người): 4 đêm x 2 phòng	Phòng	4	2	800.000	6.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (thanh toán theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Chi thuê phòng nghỉ cho 28 thành viên đoàn: 4 đêm x 14 phòng (2 người/phòng)	Phòng	4	14	1.100.000	61.600.000	
5	Chi phí khác theo quy định (photo văn bản, cước bưu điện gửi, phí chuyển khoản ngân hàng, ...)					1.500.000	
2. Học tập thực tế xây dựng mô hình HTX lĩnh vực thương mại dịch vụ tại các tỉnh Đồng						164.500.000	
1	Chi thuê xe ô tô 35 chỗ ngồi (chở đoàn đi từ Biên Hòa - các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và ngược lại)	Chuyến		1	50.000.000	50.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
2	Chi phụ cấp lưu trú cho đoàn đi học tập thực tế	Người	5	30	300.000	45.000.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
3	Chi thuê phòng nghỉ cho lãnh đạo đoàn (2 người): 4 đêm x 2 phòng	Phòng	4	2	800.000	6.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (thanh toán theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Chi thuê phòng nghỉ cho 28 thành viên đoàn: 4 đêm x 14 phòng (2 người/phòng)	Phòng	4	14	1.100.000	61.600.000	
5	Chi phí khác theo quy định (photo văn bản, cước bưu điện gửi, phí chuyển khoản ngân hàng, ...)					1.500.000	
3. Học tập thực tế xây dựng mô hình HTX nông nghiệp kiểu mới tại các tỉnh Bắc Trung Bộ (05 ngày, 18 người)						234.100.000	
1	Tiền thuê xe di chuyển từ Liên minh - sân bay Tân Sơn Nhất và ngược lại (18 người)	Lượt	1	2	3.300.000	6.600.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
2	Tiền thuê xe di chuyển từ sân bay các tỉnh Bắc Trung Bộ về khách sạn và ngược lại (18 người)	Lượt	1	2	3.300.000	6.600.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Tiền thuê xe đi lại làm việc tại các tỉnh Bắc Trung Bộ	Chuyến		1	32.000.000	32.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Chi phụ cấp lưu trú cho đoàn đi học tập thực tế	Người	5	18	300.000	27.000.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
5	Chi thuê phòng nghỉ cho lãnh đạo đoàn (2 người): 4 đêm x 2 phòng	Phòng	4	2	800.000	6.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (thanh toán theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
6	Chi thuê phòng nghỉ cho 16 thành viên đoàn: 4 đêm x 8 phòng (2 người/phòng)	Phòng	4	8	1.100.000	35.200.000	
7	Tiền vé máy bay khứ hồi (2 lượt)	Người	2	18	3.300.000	118.800.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
8	Chi phí khác theo quy định (photo VB, cước bưu điện, phí CK ngân hàng, ...)					1.500.000	

4. Học tập thực tế xây dựng mô hình HTX lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp tại các tỉnh Đồng Bàng Sông Cửu Long (05 ngày, 30 người)

1	Chi thuê xe ô tô 35 chỗ ngồi (chở đoàn đi từ Biên Hòa - các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và ngược lại)	Chuyến		1	50.000.000	50.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
2	Chi phụ cấp lưu trú cho đoàn đi học tập thực tế	Người	5	30	300.000	45.000.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
3	Chi thuê phòng nghỉ cho lãnh đạo đoàn (2 người): 4 đêm x 2 phòng	Phòng	4	2	800.000	6.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (thanh toán theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Chi thuê phòng nghỉ cho 28 thành viên đoàn: 4 đêm x 14 phòng (2 người/phòng)	Phòng	4	14	1.100.000	61.600.000	
5	Chi phí khác theo quy định (photo văn bản, cước bưu điện gửi, phí chuyển khoản ngân hàng, ...)					1.500.000	
Tổng cộng (1+2+3+4):						712.600.000	

III

NĂM 2028

1. Học tập thực tế xây dựng mô hình HTX lĩnh vực nông nghiệp tại các tỉnh Tây Nguyên (05 ngày, 30 người)

1	Chi thuê xe ô tô 35 chỗ ngồi (chở đoàn đi từ Biên Hòa - các tỉnh Tây Nguyên và ngược lại)	Chuyến		1	50.000.000	50.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
2	Chi phụ cấp lưu trú cho đoàn đi học tập thực tế	Người	5	30	300.000	45.000.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
3	Chi thuê phòng nghỉ cho lãnh đạo đoàn (2 người): 4 đêm x 2 phòng	Phòng	4	2	800.000	6.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (thanh toán theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Chi thuê phòng nghỉ cho 28 thành viên đoàn: 4 đêm x 14 phòng (2 người/phòng)	Phòng	4	14	1.100.000	61.600.000	
5	Chi phí khác theo quy định (photo văn bản, cước bưu điện gửi, phí chuyển khoản ngân hàng, ...)					1.600.000	

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
2. Học tập thực tế xây dựng mô hình HTX lĩnh vực vận tải tại các tỉnh Nam Trung Bộ (05 ngày, 30 người)							
1	Chi thuê xe ô tô 35 chỗ ngồi (chở đoàn đi từ Biên Hòa - các tỉnh Nam Trung Bộ và ngược lại)	Chuyến		1	50.000.000	50.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
2	Chi phụ cấp lưu trú cho đoàn đi học tập thực tế	Người	5	30	300.000	45.000.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
3	Chi thuê phòng nghỉ cho lãnh đạo đoàn (2 người): 4 đêm x 2 phòng	Phòng	4	2	800.000	6.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (thanh toán theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Chi thuê phòng nghỉ cho 28 thành viên đoàn: 4 đêm x 14 phòng (2 người/phòng)	Phòng	4	14	1.100.000	61.600.000	
5	Chi phí khác theo quy định (photo văn bản, cước bưu điện gửi, phí chuyển khoản ngân hàng ...)					1.600.000	
3. Học tập thực tế xây dựng mô hình Quỹ tín dụng nhân dân tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long (05 ngày, 30 người)							
1	Chi thuê xe ô tô 35 chỗ ngồi (chở đoàn đi từ Biên Hòa - các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và ngược lại)	Chuyến		1	50.000.000	50.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
2	Chi phụ cấp lưu trú cho đoàn đi học tập thực tế	Người	5	30	300.000	45.000.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
3	Chi thuê phòng nghỉ cho lãnh đạo đoàn (2 người): 4 đêm x 2 phòng	Phòng	4	2	800.000	6.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (thanh toán theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Chi thuê phòng nghỉ cho 28 thành viên đoàn: 4 đêm x 14 phòng (2 người/phòng)	Phòng	4	14	1.100.000	61.600.000	
5	Chi phí khác theo quy định (photo văn bản, cước bưu điện gửi, phí chuyển khoản ngân hàng, ...)					1.600.000	
4. Học tập thực tế xây dựng mô hình HTX lĩnh vực thương mại dịch vụ tại các tỉnh Bắc Bộ (05 ngày, 18 người)							
1	Tiền thuê xe từ Liên minh - sân bay Tân Sơn Nhất và ngược lại (18 người)	Lượt	1	2	3.400.000	6.800.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
2	Tiền thuê xe từ sân bay các tỉnh Bắc Bộ về khách sạn và ngược lại (18 người)	Lượt	1	2	3.400.000	6.800.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Tiền thuê xe đi lại làm việc tại các tỉnh Bắc Bộ	Chuyến		1	32.000.000	32.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
238.200.000							

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
4	Chi phụ cấp lưu trú cho đoàn đi học tập thực tế	Người	5	18	300.000	27.000.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
5	Chi thuê phòng nghỉ cho lãnh đạo đoàn (2 người): 4 đêm x 2 phòng	Phòng	4	2	800.000	6.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (thanh toán theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
6	Chi thuê phòng nghỉ cho 16 thành viên đoàn: 4 đêm x 8 phòng (2 người/phòng)	Phòng	4	8	1.100.000	35.200.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
7	Tiền vé máy bay khứ hồi (2 lượt)	Người	2	18	3.400.000	122.400.000	
8	Chi phí khác theo quy định (photo VB, cước bưu điện, phí CK ngân hàng, ...)					1.600.000	
5. Học tập thực tế xây dựng mô hình HTX lĩnh vực môi trường tại các tỉnh Bắc Bộ (05 ngày, 18 người)						240.200.000	
1	Tiền thuê xe từ Liên minh - sân bay Tân Sơn Nhất và ngược lại (18 người)	Lượt	1	2	3.400.000	6.800.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
2	Tiền thuê xe từ sân bay các tỉnh Bắc Bộ về khách sạn và ngược lại (18 người)	Lượt	1	2	3.400.000	6.800.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Tiền thuê xe đi lại làm việc tại các tỉnh Bắc Bộ	Chuyến		1	34.000.000	34.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Chi phụ cấp lưu trú cho đoàn đi học tập thực tế	Người	5	18	300.000	27.000.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
5	Chi thuê phòng nghỉ cho lãnh đạo đoàn (2 người): 4 đêm x 2 phòng	Phòng	4	2	800.000	6.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (thanh toán theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
6	Chi thuê phòng nghỉ cho 16 thành viên đoàn: 4 đêm x 8 phòng (2 người/phòng)	Phòng	4	8	1.100.000	35.200.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
7	Tiền vé máy bay khứ hồi (2 lượt)	Người	2	18	3.400.000	122.400.000	
8	Chi phí khác theo quy định (photo VB, cước bưu điện, phí CK ngân hàng, ...)					1.600.000	
6. Học tập thực tế xây dựng mô hình HTX lĩnh vực nông nghiệp tại các tỉnh Bắc Bộ (05 ngày, 18 người)						240.200.000	
1	Tiền thuê xe từ Liên minh - sân bay Tân Sơn Nhất và ngược lại (18 người)	Lượt	1	2	3.400.000	6.800.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
2	Tiền thuê xe từ sân bay các tỉnh Bắc Bộ về khách sạn và ngược lại (18 người)	Lượt	1	2	3.400.000	6.800.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Tiền thuê xe đi lại làm việc tại các tỉnh Bắc Bộ	Chuyến		1	34.000.000	34.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Chi phụ cấp lưu trú cho đoàn đi học tập thực tế	Người	5	18	300.000	27.000.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
5	Chi thuê phòng nghỉ cho lãnh đạo đoàn (2 người): 4 đêm x 2 phòng	Phòng	4	2	800.000	6.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (thanh toán theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
6	Chi thuê phòng nghỉ cho 16 thành viên đoàn: 4 đêm x 8 phòng (2 người/phòng)	Phòng	4	8	1.100.000	35.200.000	
7	Tiền vé máy bay khứ hồi (2 lượt)	Người	2	18	3.400.000	122.400.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
8	Chi phí khác theo quy định (photo VB, cước bưu điện, phí CK ngân hàng, ...)					1.600.000	
Tổng cộng (1+2+3+4+5+6):						1.212.400.000	
NĂM 2029							
1. Học tập thực tế xây dựng mô hình HTX nông nghiệp tại các tỉnh Đồng Nam Bộ (05 ngày, 30 người)						154.400.000	
1	Chi thuê xe ô tô 35 chỗ ngồi (chở đoàn đi từ Biên Hòa - các tỉnh Đồng Nam Bộ và ngược lại)	Chuyến		1	40.000.000	40.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
2	Chi phụ cấp lưu trú cho đoàn đi học tập thực tế	Người	5	30	300.000	45.000.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
3	Chi thuê phòng nghỉ cho lãnh đạo đoàn (2 người): 4 đêm x 2 phòng	Phòng	4	2	800.000	6.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (thanh toán theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Chi thuê phòng nghỉ cho 28 thành viên đoàn: 4 đêm x 14 phòng (2 người/phòng)	Phòng	4	14	1.100.000	61.600.000	
5	Chi phí khác theo quy định (photo văn bản, cước bưu điện gửi, phí chuyển khoản ngân hàng, ...)					1.400.000	
2. Học tập thực tế xây dựng mô hình HTX lĩnh vực thương mại dịch vụ tại các tỉnh Bắc Trung Bộ (05 ngày, 18 người)						245.000.000	
1	Tiền thuê xe từ Liên minh - sân bay Tân Sơn Nhất và ngược lại (18 người)	Lượt	1	2	3.500.000	7.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
2	Tiền thuê xe từ sân bay các tỉnh Bắc Trung Bộ về khách sạn và ngược lại (18 người)	Lượt	1	2	3.500.000	7.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Tiền thuê xe đi lại làm việc tại các tỉnh Bắc Trung Bộ	Chuyến		1	35.000.000	35.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Chi phí cấp lưu trú cho đoàn đi học tập thực tế	Người	5	18	300.000	27.000.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
5	Chi thuê phòng nghỉ cho lãnh đạo đoàn (2 người): 4 đêm x 2 phòng	Phòng	4	2	800.000	6.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (thanh toán theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
6	Chi thuê phòng nghỉ cho 16 thành viên đoàn: 4 đêm x 8 phòng (2 người/phòng)	Phòng	4	8	1.100.000	35.200.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
7	Tiền vé máy bay khứ hồi (2 lượt)	Người	2	18	3.500.000	126.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
8	Chi phí khác theo quy định (photo VB, cước bưu điện, phí CK ngân hàng, ...)					1.400.000	
3. Học tập thực tế xây dựng mô hình HTX và tải tại các tỉnh Tây Nguyên (05 ngày, 30 người)						164.400.000	
1	Chi thuê xe ô tô 35 chỗ ngồi (chở đoàn đi từ Biên Hòa - các tỉnh Tây Nguyên và ngược lại)	Chuyến		1	50.000.000	50.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
2	Chi phí cấp lưu trú cho đoàn đi học tập thực tế	Người	5	30	300.000	45.000.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
3	Chi thuê phòng nghỉ cho lãnh đạo đoàn (2 người): 4 đêm x 2 phòng	Phòng	4	2	800.000	6.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (thanh toán theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Chi thuê phòng nghỉ cho 28 thành viên đoàn: 4 đêm x 14 phòng (2 người/phòng)	Phòng	4	14	1.100.000	61.600.000	
5	Chi phí khác theo quy định (photo văn bản, cước bưu điện gửi, phí chuyển khoản ngân hàng, ...)					1.400.000	
4. Học tập thực tế xây dựng mô hình HTX lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp tại các tỉnh Bắc Bộ (05 ngày, 18 người)						245.200.000	
1	Tiền thuê xe từ Liên minh - sân bay Tân Sơn Nhất và ngược lại (18 người)	Lượt	1	2	3.500.000	7.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
2	Tiền thuê xe từ sân bay các tỉnh Bắc Bộ về khách sạn và ngược lại (18 người)	Lượt	1	2	3.500.000	7.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, bảo giá, hợp đồng)
3	Tiền thuê xe đi lại làm việc tại các tỉnh Bắc Bộ	Chuyến		1	35.000.000	35.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, bảo giá, hợp đồng)
4	Chi phí cấp lưu trú cho đoàn đi học tập thực tế	Người	5	18	300.000	27.000.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
5	Chi thuê phòng nghỉ cho lãnh đạo đoàn (2 người): 4 đêm x 2 phòng	Phòng	4	2	800.000	6.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (thanh toán theo giá thực tế, bảo giá, hợp đồng)
6	Chi thuê phòng nghỉ cho 16 thành viên đoàn: 4 đêm x 8 phòng (2 người/phòng)	Phòng	4	8	1.100.000	35.200.000	
7	Tiền vé máy bay khứ hồi (2 lượt)	Người	2	18	3.500.000	126.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, bảo giá, hợp đồng)
8	Chi phí khác theo quy định (photo VB, cước bưu điện, phí CK ngân hàng, ...)					1.600.000	
Tổng cộng (1+2+3+4):						809.000.000	
NĂM 2030							
1. Học tập thực tế xây dựng mô hình Quy tín dụng nhân dân tại các tỉnh Nam Trung Bộ (05 ngày, 30 người)						169.700.000	
1	Chi thuê xe ô tô 35 chỗ ngồi (chở đoàn đi từ Biên Hòa - các tỉnh Nam Trung Bộ và ngược lại)	Chuyến		1	55.000.000	55.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, bảo giá, hợp đồng)
2	Chi phụ cấp lưu trú cho đoàn đi học tập thực tế	Người	5	30	300.000	45.000.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
3	Chi thuê phòng nghỉ cho lãnh đạo đoàn (2 người): 4 đêm x 2 phòng	Phòng	4	2	800.000	6.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (thanh toán theo giá thực tế, bảo giá, hợp đồng)
4	Chi thuê phòng nghỉ cho 28 thành viên đoàn: 4 đêm x 14 phòng (2 người/phòng)	Phòng	4	14	1.100.000	61.600.000	
5	Chi phí khác theo quy định (photo văn bản, cước bưu điện gửi, phí chuyển khoản ngân hàng, ...)					1.700.000	
2. Học tập thực tế xây dựng mô hình HTX lĩnh vực Nông nghiệp tại các tỉnh Đồng Bằng Sông						169.700.000	
1	Chi thuê xe ô tô 35 chỗ ngồi (chở đoàn đi từ Biên Hòa - các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và ngược lại)	Chuyến		1	55.000.000	55.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, bảo giá, hợp đồng)

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
2	Chi phụ cấp lưu trú cho đoàn đi học tập thực tế	Người	5	30	300.000	45.000.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
3	Chi thuê phòng nghỉ cho lãnh đạo đoàn (2 người): 4 đêm x 2 phòng	Phòng	4	2	800.000	6.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (thanh toán theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Chi thuê phòng nghỉ cho 28 thành viên đoàn: 4 đêm x 14 phòng (2 người/phòng)	Phòng	4	14	1.100.000	61.600.000	
5	Chi phí khác theo quy định (photo văn bản, cước bưu điện gửi, phí chuyển khoản ngân hàng, ...)					1.700.000	
3. Học tập thực tế xây dựng mô hình HTX xây dựng tại các tỉnh Bắc Bộ (05 ngày, 18 người)						250.000.000	
1	Tiền thuê xe từ Liên minh - sân bay Tân Sơn Nhất và ngược lại (18 người)	Lượt	1	2	3.600.000	7.200.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
2	Tiền thuê xe từ sân bay các tỉnh Bắc Bộ về khách sạn và ngược lại (18 người)	Lượt	1	2	3.600.000	7.200.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Tiền thuê xe đi lại làm việc tại các tỉnh Bắc Bộ	Chuyến		1	36.000.000	36.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Chi phụ cấp lưu trú cho đoàn đi học tập thực tế	Người	5	18	300.000	27.000.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
5	Chi thuê phòng nghỉ cho lãnh đạo đoàn (2 người): 4 đêm x 2 phòng	Phòng	4	2	800.000	6.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (thanh toán theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
6	Chi thuê phòng nghỉ cho 16 thành viên đoàn: 4 đêm x 8 phòng (2 người/phòng)	Phòng	4	8	1.100.000	35.200.000	
7	Tiền vé máy bay khứ hồi (2 lượt)	Người	2	18	3.600.000	129.600.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
8	Chi phí khác theo quy định (photo VB, cước bưu điện, phí CK ngân hàng, ...)					1.400.000	
4. Học tập thực tế xây dựng mô hình HTX Tiểu thủ công nghiệp tỉnh Bắc Bộ (05 ngày, 18 người)						249.000.000	
1	Tiền thuê xe từ Liên minh - sân bay Tân Sơn Nhất và ngược lại (18 người)	Lượt	1	2	3.600.000	7.200.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
2	Tiền thuê xe từ sân bay các tỉnh Bắc Bộ về khách sạn và ngược lại (18 người)	Lượt	1	2	3.600.000	7.200.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Chi chú
3	Tiền thuê xe đi lại làm việc tại các tỉnh Bắc Bộ	Chuyến		1	35.000.000	35.000.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Chi phụ cấp lưu trú cho đoàn đi học tập thực tế	Người	5	18	300.000	27.000.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
5	Chi thuê phòng nghỉ cho lãnh đạo đoàn (2 người): 4 đêm x 2 phòng	Phòng	4	2	800.000	6.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (thanh toán theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
6	Chi thuê phòng nghỉ cho 16 thành viên đoàn: 4 đêm x 8 phòng (2 người/phòng)	Phòng	4	8	1.100.000	35.200.000	
7	Tiền vé máy bay khứ hồi (2 lượt)	Người	2	18	3.600.000	129.600.000	Theo Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
8	Chi phí khác theo quy định (photo VB, cước bưu điện, phí CK ngân hàng, ...)					1.400.000	
Tổng cộng (1+2+3+4):						838.400.000	
Tổng cộng giai đoạn 2026-2030 (I+II+III+IV+V)						4.675.000.000	

Số 2846 /QĐ-UBND ngày 11 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Số 2846 /QĐ-UBND ngày 11 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

295.500.000

221.700.000

1	Tiền thuê gian hàng hội chợ (dự kiến đơn vị tổ chức hỗ trợ 50%)	Gian hàng	3	6.000.000	18.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, hợp đồng)	
2	Trang trí gian hàng chung (thiết kế, bảng hiệu, kệ trưng bày, quạt...)	Gian hàng	3	8.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, bảo giá, hợp đồng)	
3	Thuê xe vận chuyển hàng triển lãm từ Đồng Nai - Hà Nội và ngược lại (bao gồm đóng gói + bốc xếp và thuê...)	Chuyến	2	42.000.000	84.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, bảo giá, hợp đồng)	
4	Thuê xe vận chuyển gom hàng tập kết và trả hàng (bao gồm bốc xếp và thuê)	Chuyến	12	2.500.000	30.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, bảo giá, hợp đồng)	
5	Vé máy bay khứ hồi cho cán bộ Liên minh	Người	2	4	3.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, bảo giá, hợp đồng)
6	Thuê xe chở đoàn từ cơ quan Liên minh đến sân bay Tân Sơn Nhất và ngược lại	Chuyến	2	3.000.000	6.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, bảo giá, hợp đồng)	
7	Thuê xe chở đoàn từ sân bay Nội Bài đến hội chợ, ngược lại	Chuyến	2	3.000.000	6.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, bảo giá, hợp đồng)	
8	Thuê phòng nghỉ cho cán bộ Liên minh HTX (4 người): 6 đêm x 2 phòng (2 người/phòng)	Đêm	6	2	1.400.000	16.800.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, bảo giá, hợp đồng)
9	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ Liên minh HTX (4 người x 7 ngày)	Ngày	7	4	300.000	8.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
10	Chi phí thăm định đầu thầu (công bố gói thầu...)	lần	1	3.000.000	3.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai	
11	Chi phí khác (phí chuyển khoản ngân hàng và những khoản theo quy định)				1.500.000		
B	Hỗ trợ HTX tham gia				73.800.000		
1	Vé máy bay khứ hồi cho cán bộ HTX (6 người x 2 lượt)	Người	2	6	3.000.000	36.000.000	Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, bảo giá, hợp đồng)

STT	Nội dung	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
2	Tiền thuê phòng nghỉ cho HTX (6 người): 6 đêm x 3 phòng (2 người/phòng)	Đêm	6	3	1.400.000	25.200.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Phụ cấp lưu trú cho các HTX (6 người x 7 ngày)	Người	7	6	300.000	12.600.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
2. Hội chợ xúc tiến thương mại cho các hợp tác xã tổ chức tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên							
A	Liên minh Hợp tác xã dẫn đoàn					170.700.000	
1	Tiền thuê gian hàng (dự kiến đơn vị tổ chức hỗ trợ 50%)	Gian hàng		3	6.000.000	18.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, hợp đồng)
2	Trang trí gian hàng chung (thiết kế, bảng hiệu, kệ trưng bày, quạt, ...)	Gian hàng		3	8.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Thuế xe vận chuyển hàng tiễn lăm từ Đồng Nai, Bình Phước (cù) đến khu vực miền Trung và Tây Nguyên - Đồng Nai và Bình Phước (cù) (bao gồm đóng gói + bốc xếp và thuế)	Chuyến		2	28.000.000	56.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Thuế xe vận chuyển gom hàng và trả hàng (bao gồm bốc xếp)	Chuyến		12	2.500.000	30.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
5	Thuế phòng nghỉ cho cán bộ Liên minh HTX (4 người): 2 phòng x 6 đêm	Đêm	6	2	1.400.000	16.800.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
6	Thuế xe chở cán bộ Liên minh từ Cơ quan Liên minh đến khu vực miền Trung và Tây Nguyên và ngược lại	chuyến		2	4.500.000	9.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
7	Thuế xe chở đoàn từ khách sạn lưu trú đến hội chợ và ngược lại	chuyến		2	2.000.000	4.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
8	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ Liên minh HTX (4 người x 7 ngày)	Ngày	7	4	300.000	8.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
9	Chi phí thăm định đầu thầu (công bố gói thầu...)	Lần		1	3.000.000	3.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai
10	Chi phí khác (phí chuyển khoản ngân hàng và những khoản theo quy định)					1.500.000	
II	Hỗ trợ HTX tham gia đoàn					46.800.000	
1	Thuế xe chở các HTX từ Cơ quan Liên minh đến khu vực miền Trung và Tây Nguyên và ngược lại	Lượt		2	4.500.000	9.000.000	Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
2	Tiền thuê phòng nghỉ cho HTX (6 người): 3 phòng x 6 đêm	Đêm	6	3	1.400.000	25.200.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)

STT	Nội dung	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
3	Phụ cấp lưu trú cho HTX (6 người x 7 ngày)	Người	7	6	300.000	12.600.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
3. Hội chợ xúc tiến thương mại cho các hợp tác xã tổ chức tại khu vực miền Nam (A+B)							
I	Liên minh Hợp tác xã dẫn đoàn					171.500.000	
1	Tiền thuê gian hàng (dự kiến đơn vị tổ chức hỗ trợ 50%)	Gian hàng		3	6.000.000	18.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, hợp đồng)
2	Trang trí gian hàng chung (thiết kế, bảng hiệu, kê trưng bày, quạt, ...)	Gian hàng		3	8.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Thuê xe vận chuyển hàng triển lãm từ Đồng Nai và Bình Phước (củ) (bao gồm đóng gói + bốc xếp và thuê)	Chuyến		2	12.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Thuê xe vận chuyển gom hàng và trả hàng (bao gồm bốc xếp)	Chuyến		12	2.500.000	30.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
5	Thuê phòng nghỉ cho cán bộ Liên minh HTX (4 người): 2 phòng x 6 đêm	Đêm	6	2	1.400.000	16.800.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
6	Thuê xe chở cán bộ Liên minh HTX từ cơ quan Liên minh đến TPHCM và ngược lại	Lượt		2	2.000.000	4.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai: Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
7	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ Liên minh HTX (4 người x 7 ngày)	Ngày	7	4	300.000	8.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
8	Chi phí thẩm định đầu thầu (công bố gói thầu...)	Lần		1	3.000.000	3.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai
9	Chi phí khác (phí chuyển khoản ngân hàng và những khoản theo quy định)					1.500.000	HĐND tỉnh Đồng Nai
II	Hỗ trợ HTX tham gia đoàn					41.800.000	
1	Thuê xe chở các HTX từ cơ quan Liên minh đến TPHCM và ngược lại	Lượt		2	2.000.000	4.000.000	Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
2	Tiền thuê phòng nghỉ cho HTX (6 người): 3 phòng x 6 đêm	Đêm	6	3	1.400.000	25.200.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Phụ cấp lưu trú cho HTX (6 người x 7 ngày)	Người	7	6	300.000	12.600.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
II	Tổng cộng (1+2+3):					684.500.000	
NĂM 2027							
1. Hội chợ xúc tiến thương mại cho các hợp tác xã tổ chức tại khu vực miền Bắc (A+B)							
A	Liên minh Hợp tác xã dẫn đoàn					295.500.000	
						221.700.000	

STT	Nội dung	DVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Tiền thuê gian hàng hội chợ (dự kiến đơn vị tổ chức hỗ trợ 50%)	Gian hàng		3	6.000.000	18.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, hợp đồng)
2	Trang trí gian hàng chung (thiết kế, bảng hiệu, kệ trưng bày, quạt...)	Gian hàng		3	8.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Thuê xe vận chuyển hàng triển lãm từ Đồng Nai - Hà Nội và ngược lại (bao gồm đông gói + bốc xếp và thuê...)	Chuyến		2	42.000.000	84.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Thuê xe vận chuyển gom hàng tập kết và trả hàng (bao gồm bốc xếp và thuê)	Chuyến		12	2.500.000	30.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
5	Vé máy bay khứ hồi cho cán bộ Liên minh	Người	2	4	3.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
6	Thuê xe chở đoàn từ cơ quan Liên minh đến sân bay Tân Sơn Nhất và ngược lại	Chuyến		2	3.000.000	6.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
7	Thuê xe chở đoàn từ sân bay Nội Bài đến hội chợ, ngược lại	Chuyến		2	3.000.000	6.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
8	Thuê phòng nghỉ cho cán bộ Liên minh HTX (4 người): 2 phòng x 6 đêm	Đêm	6	2	1.400.000	16.800.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
9	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ Liên minh HTX (4 người x 7 ngày)	Ngày	7	4	300.000	8.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
10	Chi phí tham định đấu thầu (công bố gói thầu...)	lần		1	3.000.000	3.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai
11	Chi phí khác (phí chuyển khoản ngân hàng và những khoản theo quy định)					1.500.000	
B	Hỗ trợ HTX tham gia					73.800.000	
1	Vé máy bay khứ hồi cho cán bộ HTX (6 người x 2 lượt)	Người	2	6	3.000.000	36.000.000	Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
2	Tiền thuê phòng nghỉ cho HTX (6 người): 3 phòng x 6 đêm	Đêm	6	3	1.400.000	25.200.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Phụ cấp lưu trú cho các HTX (6 người x 7 ngày)	Người	7	6	300.000	12.600.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
1	Liên minh Hợp tác xã dẫn đoàn					217.500.000	
						170.700.000	

STT	Nội dung	DVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Chi chú
1	Tiền thuê gian hàng (dự kiến đơn vị tổ chức hỗ trợ 50%)	Gian hàng		3	6.000.000	18.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, hợp đồng)
2	Trang trí gian hàng chung (thiết kế, bảng hiệu, kệ trưng bày, quạt, ...)	Gian hàng		3	8.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, bảo giá, hợp đồng)
3	Thuê xe vận chuyển hàng triển lãm từ Đồng Nai, Bình Phước (củ) đến khu vực miền Trung và Tây Nguyên - Đồng Nai và Bình Phước (củ) (bao gồm đóng gói + bốc xếp và thuê)	Chuyến		2	28.000.000	56.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, bảo giá, hợp đồng)
4	Thuê xe vận chuyển gom hàng và trả hàng (bao gồm bốc xếp)	Chuyến		12	2.500.000	30.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, bảo giá, hợp đồng)
5	Thuê phòng nghỉ cho cán bộ Liên minh HTX (4 người): 2 phòng x 6 đêm	Đêm	6	2	1.400.000	16.800.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai, Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, bảo giá, hợp đồng)
6	Thuê xe chở cán bộ Liên minh từ Cơ quan Liên minh đến khu vực miền Trung và Tây Nguyên và ngược lại	chuyến		2	4.500.000	9.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai, Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
7	Thuê xe chở đoàn từ khách sạn lưu trú đến hội chợ và ngược lại	chuyến		2	2.000.000	4.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai, Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
8	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ Liên minh HTX (4 người x 7 ngày)	Ngày	7	4	300.000	8.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
9	Chi phí thẩm định đấu thầu (công bố gói thầu...)	Lần		1	3.000.000	3.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai
10	Chi phí khác (phí chuyển khoản ngân hàng và những khoản theo quy định)				1.500.000		
II	Hỗ trợ HTX tham gia đoàn					46.800.000	
1	Thuê xe chở các HTX từ Cơ quan Liên minh đến khu vực miền Trung và Tây Nguyên và ngược lại	Lượt		2	4.500.000	9.000.000	Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
2	Tiền thuê phòng nghỉ cho HTX (6 người): 3 phòng x 6 đêm	Đêm	6	3	1.400.000	25.200.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, bảo giá, hợp đồng)
3	Phụ cấp lưu trú cho HTX (6 người x 7 ngày)	Người	7	6	300.000	12.600.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
3. Hội chợ xúc tiến thương mại cho các hợp tác xã tổ chức tại khu vực miền Nam (A+B)							
I	Liên minh Hợp tác xã dẫn đoàn					171.500.000	
	Tiền thuê gian hàng (dự kiến đơn vị tổ chức hỗ trợ 50%)	Gian hàng		3	6.000.000	18.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, hợp đồng)

STT	Nội dung	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
2	Trang trí gian hàng chung (thiết kế, bảng hiệu, kệ trưng bày, quạt, ...)	Gian hàng		3	8.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Thuê xe vận chuyển hàng triển lãm từ Đồng Nai và Bình Phước (củ) (bao gồm đóng gói + bốc xếp và thuê)	Chuyến		2	12.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Thuê xe vận chuyển gom hàng và trả hàng (bao gồm bốc xếp)	Chuyến		12	2.500.000	30.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
5	Thuê phòng nghỉ cho cán bộ Liên minh HTX (4 người): 2 phòng x 6 đêm	Đêm	6	2	1.400.000	16.800.000	Khoản 1, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
6	Thuê xe chở cán bộ Liên minh HTX từ cơ quan Liên minh đến TP.HCM và ngược lại	Lượt		2	2.000.000	4.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
7	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ Liên minh HTX (4 người x 7 ngày)	Ngày	7	4	300.000	8.400.000	Khoản 1, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
8	Chi phí thẩm định đấu thầu (công bố gói thầu...)	Lần		1	3.000.000	3.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai
9	Chi phí khác (phí chuyển khoản ngân hàng và những khoản theo quy định)					1.500.000	
II Hỗ trợ HTX tham gia đoàn							
1	Thuê xe chở các HTX từ cơ quan Liên minh đến TP.HCM và ngược lại	Lượt		2	2.000.000	4.000.000	Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
2	Tiền thuê phòng nghỉ cho HTX (6 người): 3 phòng x 6 đêm	Đêm	6	3	1.400.000	25.200.000	Khoản 1, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Phụ cấp lưu trú cho HTX (6 người x 7 ngày)	Người	7	6	300.000	12.600.000	Khoản 1, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
Tổng cộng (1+2+3):							
NĂM 2028							
III							
1. Hội chợ xúc tiến thương mại cho các hợp tác xã tổ chức tại khu vực miền Bắc (A+B)							
A Liên minh Hợp tác xã dẫn đoàn						298.500.000	
1	Tiền thuê gian hàng hội chợ (dự kiến đơn vị tổ chức hỗ trợ 50%)	Gian hàng		3	7.000.000	21.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, hợp đồng)
2	Trang trí gian hàng chung (thiết kế, bảng hiệu, kệ trưng bày, quạt...)	Gian hàng		3	8.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)

STT	Nội dung	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
3	Thuế xe vận chuyển hàng triển lãm từ Đồng Nai - Hà Nội và ngược lại (bao gồm đóng gói + bốc xếp và thuế...)	Chuyến		2	42.000.000	84.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Thuế xe vận chuyển gom hàng tập kết và trả hàng (bao gồm bốc xếp và thuế)	Chuyến		12	2.500.000	30.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
5	Vé máy bay khứ hồi cho cán bộ Liên minh	Người	2	4	3.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
6	Thuế xe chở đoàn từ cơ quan Liên minh đến sân bay Tân Sơn Nhất và ngược lại	Chuyến		2	3.000.000	6.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
7	Thuế xe chở đoàn từ sân bay Nội Bài đến hội chợ, ngược lại	Chuyến		2	3.000.000	6.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
8	Thuế phòng nghỉ cho cán bộ Liên minh HTX (4 người): 2 phòng x 6 đêm	Đêm	6	2	1.400.000	16.800.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
9	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ Liên minh HTX (4 người x 7 ngày)	Ngày	7	4	300.000	8.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
10	Chi phí thẩm định đầu thầu (công bố gói thầu...)	lần		1	3.000.000	3.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai
11	Chi phí khác (phí chuyển khoản ngân hàng và những khoản theo quy định)					1.500.000	
II	Hỗ trợ HTX tham gia					73.800.000	
1	Vé máy bay khứ hồi cho cán bộ HTX (6 người x 2 lượt)	Người	2	6	3.000.000	36.000.000	Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
2	Tiền thuê phòng nghỉ cho HTX (6 người): 3 phòng x 6 đêm	Đêm	6	3	1.400.000	25.200.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Phụ cấp lưu trú cho các HTX (6 người x 7 ngày)	Người	7	6	300.000	12.600.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
2. Hội chợ xúc tiến thương mại cho các hợp tác xã tổ chức tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên							
I	Liên minh Hợp tác xã dẫn đoàn					170.700.000	
1	Tiền thuê gian hàng (dự kiến đơn vị tổ chức hỗ trợ 50%)	Gian hàng		3	6.000.000	18.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, hợp đồng)
2	Trang trí gian hàng chung (thiết kế, băng hiệu, kệ trưng bày, quạt, ...)	Gian hàng		3	8.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)

STT	Nội dung	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
3	Thuê xe vận chuyển hàng triển lãm từ Đồng Nai, Bình Phước (cù) đến khu vực miền Trung và Tây Nguyên - Đồng Nai và Bình Phước (cù) (bao gồm đóng gói + bốc xếp và thuế)	Chuyến		2	28.000.000	56.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Thuê xe vận chuyển gom hàng và trả hàng (bao gồm bốc xếp)	Chuyến		12	2.500.000	30.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
5	Thuê phòng nghỉ cho cán bộ Liên minh HTX (4 người): 2 phòng x 6 đêm	Đêm	6	2	1.400.000	16.800.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
6	Thuê xe chở cán bộ Liên minh từ Cơ quan Liên minh đến khu vực miền Trung và Tây Nguyên và ngược lại	chuyến		2	4.500.000	9.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
7	Thuê xe chở đoàn từ khách sạn lưu trú đến hội chợ và ngược lại	chuyến		2	2.000.000	4.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
8	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ Liên minh HTX (4 người x 7 ngày)	Ngày	7	4	300.000	8.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
9	Chi phí thăm định đầu thầu (công bố gói thầu...)	Lần		1	3.000.000	3.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai
10	Chi phí khác (phí chuyển khoản ngân hàng và những khoản theo quy định)					1.500.000	
II Hỗ trợ HTX tham gia đoàn						46.800.000	
1	Thuê xe chở các HTX từ Cơ quan Liên minh đến khu vực miền Trung và Tây Nguyên và ngược lại	Lượt		2	4.500.000	9.000.000	Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
2	Tiền thuê phòng nghỉ cho HTX (6 người): 3 phòng x 6 đêm	Đêm	6	3	1.400.000	25.200.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Phụ cấp lưu trú cho HTX (6 người x 7 ngày)	Người	7	6	300.000	12.600.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
3. Hội chợ xúc tiến thương mại cho các hợp tác xã tổ chức tại khu vực miền Nam (A+B)						174.500.000	
I	Liên minh Hợp tác xã dẫn đoàn					132.700.000	
1	Tiền thuê gian hàng (dự kiến đơn vị tổ chức hỗ trợ 50%)	Gian hàng		3	7.000.000	21.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, hợp đồng)
2	Trang trí gian hàng chung (thiết kế, bảng hiệu, kê trưng bày, quạt, ...)	Gian hàng		3	8.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)

STT	Nội dung	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
3	Thuế xe vận chuyển hàng triển lãm từ Đồng Nai và Bình Phước (cù) (bao gồm đóng gói + bốc xếp và thuế)	Chuyến		2	12.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Thuế xe vận chuyển gom hàng và trả hàng (bao gồm bốc xếp)	Chuyến		12	2.500.000	30.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
5	Thuế phòng nghỉ cho cán bộ Liên minh HTX (4 người): 2 phòng x 6 đêm	Đêm	6	2	1.400.000	16.800.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
6	Thuế xe chở cán bộ Liên minh HTX từ cơ quan Liên minh đến TPHCM và ngược lại	Lượt		2	2.000.000	4.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
7	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ Liên minh HTX (4 người x 7 ngày)	Ngày	7	4	300.000	8.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
8	Chi phí thẩm định đấu thầu (công bố gói thầu...)	Lần		1	3.000.000	3.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai
9	Chi phí khác (phí chuyển khoản ngân hàng và những khoản theo quy định)					1.500.000	
II	Hỗ trợ HTX tham gia đoàn					41.800.000	
1	Thuế xe chở các HTX từ cơ quan Liên minh đến TPHCM và ngược lại	Lượt		2	2.000.000	4.000.000	Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
2	Tiền thuê phòng nghỉ cho HTX (6 người): 3 phòng x 6 đêm	Đêm	6	3	1.400.000	25.200.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Phụ cấp lưu trú cho HTX (6 người x 7 ngày)	Người	7	6	300.000	12.600.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
IV	Tổng cộng (1+2+3):					690.500.000	
NĂM 2029							
1. Hội chợ xúc tiến thương mại cho các hợp tác xã tổ chức tại khu vực miền Bắc (A+B)							
I	Liên minh Hợp tác xã dân đoàn					295.200.000	
1	Tiền thuê gian hàng hội chợ (dự kiến đơn vị tổ chức hỗ trợ 50%)	Gian hàng		3	7.000.000	21.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, hợp đồng)
2	Trang trí gian hàng chung (thiết kế, bảng hiệu, kệ trưng bày, quạt...)	Gian hàng		3	8.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Thuế xe vận chuyển hàng triển lãm từ Đồng Nai - Hà Nội và ngược lại (bao gồm đóng gói + bốc xếp và thuế...)	Chuyến		2	42.000.000	84.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)

STT	Nội dung	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Chi chú
4	Thuê xe vận chuyển gom hàng tập kết và trả hàng (bao gồm bốc xếp và thuê)	Chuyến		12	2.600.000	31.200.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
5	Vé máy bay khứ hồi cho cán bộ Liên minh	Người	2	4	3.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
6	Thuê xe chở đoàn từ cơ quan Liên minh đến sân bay Tân Sơn Nhất và ngược lại	Chuyến		2	3.000.000	6.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
7	Thuê xe chở đoàn từ sân bay Nội Bài đến hội chợ, ngược lại	Chuyến		2	3.000.000	6.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
8	Thuê phòng nghỉ cho cán bộ Liên minh HTX (4 người): 2 phòng x 6 đêm	Đêm	6	2	1.400.000	16.800.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
9	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ Liên minh HTX (4 người x 7 ngày)	Ngày	7	4	300.000	8.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
10	Chi phí thăm định đầu thầu (công bố gói thầu...)	lần		1	3.000.000	3.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai
11	Chi phí khác (phí chuyển khoản ngân hàng và những khoản theo quy định)					1.500.000	
II Hỗ trợ HTX tham gia							
1	Vé máy bay khứ hồi cho cán bộ HTX (6 người x 2 lượt)	Người	2	6	3.000.000	36.000.000	Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
2	Tiền thuê phòng nghỉ cho HTX (6 người): 3 phòng x 6 đêm	Đêm	6	3	1.400.000	25.200.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Phụ cấp lưu trú cho các HTX (6 người x 7 ngày)	Người	7	6	300.000	12.600.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
2. Hội chợ xúc tiến thương mại cho các hợp tác xã tổ chức tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên							
1	Liên minh Hợp tác xã dân đoàn					171.900.000	
1	Tiền thuê gian hàng (dự kiến đơn vị tổ chức hỗ trợ 50%)	Gian hàng		3	6.000.000	18.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, hợp đồng)
2	Trang trí gian hàng chung (thiết kế, bảng hiệu, kệ trưng bày, quạt, ...)	Gian hàng		3	8.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)

STT	Nội dung	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
3	Thuế xe vận chuyển hàng triển lãm từ Đồng Nai, Bình Phước (cũ) đến khu vực miền Trung và Tây Nguyên - Đồng Nai và Bình Phước (cũ) (bao gồm đóng gói + bốc xếp và thuế)	Chuyến		2	28.000.000	56.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Thuế xe vận chuyển gom hàng và trả hàng (bao gồm bốc xếp)	Chuyến		12	2.600.000	31.200.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
5	Thuế phòng nghỉ cho cán bộ Liên minh HTX (4 người): 2 phòng x 6 đêm	Đêm	6	2	1.400.000	16.800.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
6	Thuế xe chở cán bộ Liên minh từ Cơ quan Liên minh đến khu vực miền Trung và Tây Nguyên và ngược lại	chuyến		2	4.500.000	9.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
7	Thuế xe chở đoàn từ khách sạn lưu trú đến hội chợ và ngược lại	chuyến		2	2.000.000	4.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
8	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ Liên minh HTX (4 người x 7 ngày)	Ngày	7	4	300.000	8.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
9	Chi phí thẩm định đầu thầu (công bố gói thầu...)	Lần		1	3.000.000	3.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai
10	Chi phí khác (phí chuyển khoản ngân hàng và những khoản theo quy định)					1.500.000	
II	Hỗ trợ HTX tham gia đoàn					46.800.000	
1	Thuế xe chở các HTX từ Cơ quan Liên minh đến khu vực miền Trung và Tây Nguyên và ngược lại	Lượt		2	4.500.000	9.000.000	Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1,2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
2	Tiền thuê phòng nghỉ cho HTX (6 người): 3 phòng x 6 đêm	Đêm	6	3	1.400.000	25.200.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Phụ cấp lưu trú cho HTX (6 người x 7 ngày)	Người	7	6	300.000	12.600.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
3. Hội chợ xúc tiến thương mại cho các hợp tác xã tổ chức tại khu vực miền Nam (A+B)							
I	Liên minh Hợp tác xã dẫn đoàn					175.700.000	
1	Tiền thuê gian hàng (dự kiến đơn vị tổ chức hỗ trợ 50%)	Gian hàng		3	7.000.000	21.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, hợp đồng)
2	Trang trí gian hàng chung (thiết kế, băng hiệu, kệ trưng bày, quạt, ...)	Gian hàng		3	8.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)

STT	Nội dung	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
3	Thuế xe vận chuyển hàng triển lãm từ Đồng Nai và Bình Phước (cù) đến TP.HCM - Đồng Nai và Bình Phước (cù) (bao gồm đóng gói + bốc xếp và thuế)	Chuyến		2	12.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Thuế xe vận chuyển gom hàng và trả hàng (bao gồm bốc xếp)	Chuyến		12	2.600.000	31.200.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
5	Thuế phòng nghỉ cho cán bộ Liên minh HTX (4 người): 2 phòng x 6 đêm	Đêm	6	2	1.400.000	16.800.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
6	Thuế xe chở cán bộ Liên minh HTX từ cơ quan Liên minh đến TPHCM và ngược lại	Lượt		2	2.000.000	4.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
7	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ Liên minh HTX (4 người x 7 ngày)	Ngày	7	4	300.000	8.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
8	Chi phí tham định đầu thầu (công bố gói thầu...)	Lần		1	3.000.000	3.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai
9	Chi phí khác (phí chuyển khoản ngân hàng và những khoản theo quy định)					1.500.000	
II	Hỗ trợ HTX tham gia đoàn					41.800.000	
1	Thuế xe chở các HTX từ cơ quan Liên minh đến TPHCM và ngược lại	Lượt		2	2.000.000	4.000.000	Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
2	Tiền thuê phòng nghỉ cho HTX (6 người): 3 phòng x 6 đêm	Đêm	6	3	1.400.000	25.200.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Phụ cấp lưu trú cho HTX (6 người x 7 ngày)	Người	7	6	300.000	12.600.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
	Tổng cộng (1+2+3):					689.600.000	
V	NĂM 2030						
1. Hội chợ xúc tiến thương mại cho các hợp tác xã tổ chức tại khu vực miền Bắc (A+B)						303.900.000	
A Liên minh Hợp tác xã dẫn đoàn						230.100.000	
1	Tiền thuê gian hàng hội chợ (dự kiến đơn vị tổ chức hỗ trợ 50%)	Gian hàng		3	8.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, hợp đồng)
2	Trang trí gian hàng chung (thiết kế, băng hiệu, kệ trưng bày, quạt...)	Gian hàng		3	8.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Thuế xe vận chuyển hàng triển lãm từ Đồng Nai - Hà Nội và ngược lại (bao gồm đóng gói + bốc xếp và thuế...)	Chuyến		2	42.000.000	84.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chi theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)

STT	Nội dung	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
4	Thuế xe vận chuyển gom hàng tập kết và trả hàng (bao gồm bốc xếp và thuế)	Chuyến		12	2.700.000	32.400.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
5	Vé máy bay khứ hồi cho cán bộ Liên minh	Người	2	4	3.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
6	Thuế xe chở đoàn từ cơ quan Liên minh đến sân bay Tân Sơn Nhất và ngược lại	Chuyến		2	3.000.000	6.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
7	Thuế xe chở đoàn từ sân bay Nội Bài đến hội chợ, ngược lại	Chuyến		2	3.000.000	6.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
8	Thuế phòng nghỉ cho cán bộ Liên minh HTX (4 người): 2 phòng x 6 đêm	Đêm	6	2	1.400.000	16.800.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
9	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ Liên minh HTX (4 người x 7 ngày)	Ngày	7	4	300.000	8.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
10	Chi phí thẩm định đầu thầu (công bố gói thầu...)	lần		1	3.000.000	3.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai
11	Chi phí khác (phí chuyển khoản ngân hàng và những khoản theo quy định)					1.500.000	
II	Hỗ trợ HTX tham gia					73.800.000	
1	Vé máy bay khứ hồi cho cán bộ HTX (6 người x 2 lượt)	Người	2	6	3.000.000	36.000.000	Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
2	Tiền thuê phòng nghỉ cho HTX (6 người): 3 phòng x 6 đêm	Đêm	6	3	1.400.000	25.200.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Phụ cấp lưu trú cho các HTX (6 người x 7 ngày)	Người	7	6	300.000	12.600.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
2. Hội chợ xúc tiến thương mại cho các hợp tác xã tổ chức tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên							
I	Liên minh Hợp tác xã dẫn đoàn					173.100.000	
1	Tiền thuê gian hàng (dự kiến đơn vị tổ chức hỗ trợ 50%)	Gian hàng		3	6.000.000	18.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, hợp đồng)
2	Trang trí gian hàng chung (thiết kế, băng hiệu, kệ trưng bày, quạt, ...)	Gian hàng		3	8.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Thuế xe vận chuyển hàng triển lãm từ Đồng Nai, Bình Phước (củ) đến khu vực miền Trung và Tây Nguyên - Đồng Nai và Bình Phước (củ) (bao gồm đóng gói + bốc xếp và thuế)	Chuyến		2	28.000.000	56.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)

STT	Nội dung	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
4	Thuê xe vận chuyển gom hàng và trả hàng (bao gồm bốc xếp)	Chuyến		12	2.700.000	32.400.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
5	Thuê phòng nghỉ cho cán bộ Liên minh HTX (4 người): 2 phòng x 6 đêm	Đêm	6	2	1.400.000	16.800.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
6	Thuê xe chở cán bộ Liên minh từ Cơ quan Liên minh đến khu vực miền Trung và Tây Nguyên và ngược lại	chuyến		2	4.500.000	9.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
7	Thuê xe chở đoàn từ khách sạn lưu trú đến hội chợ và ngược lại	chuyến		2	2.000.000	4.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
8	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ Liên minh HTX (4 người x 7 ngày)	Ngày	7	4	300.000	8.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
9	Chi phí tham định đầu thầu (công bố gói thầu...)	Lần		1	3.000.000	3.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai
10	Chi phí khác (phí chuyển khoản ngân hàng và những khoản theo quy định)					1.500.000	
II	Hỗ trợ HTX tham gia đoàn					46.800.000	
1	Thuê xe chở các HTX từ Cơ quan Liên minh đến khu vực miền Trung và Tây Nguyên và ngược lại	Lượt		2	4.500.000	9.000.000	Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
2	Tiền thuê phòng nghỉ cho HTX (6 người): 3 phòng x 6 đêm	Đêm	6	3	1.400.000	25.200.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Phụ cấp lưu trú cho HTX (6 người x 7 ngày)	Người	7	6	300.000	12.600.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
	Tổng cộng đợt 2 = (I+II)					219.900.000	
3. Hội chợ xúc tiến thương mại cho các hợp tác xã tổ chức tại khu vực miền Nam (A+B)							
I	Liên minh Hợp tác xã dẫn đoàn					138.100.000	
1	Tiền thuê gian hàng (dự kiến đơn vị tổ chức hỗ trợ 50%)	Gian hàng		3	8.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, hợp đồng)
2	Trang trí gian hàng chung (thiết kế, băng hiệu, kệ trưng bày, quạt...)	Gian hàng		3	8.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Thuê xe vận chuyển hàng triển lãm từ Đồng Nai và Bình Phước (củ) đến TP.HCM - Đồng Nai và Bình Phước (củ) (bao gồm đóng gói + bốc xếp và thuê)	Chuyến		2	12.000.000	24.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
4	Thuê xe vận chuyển gom hàng và trả hàng (bao gồm bốc xếp)	Chuyến		12	2.700.000	32.400.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)

STT	Nội dung	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
5	Thuê phòng nghỉ cho cán bộ Liên minh HTX (4 người): 2 phòng x 6 đêm	Đêm	6	2	1.400.000	16.800.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
6	Thuê xe chở cán bộ Liên minh HTX từ cơ quan Liên minh đến TPHCM và ngược lại	Lượt		2	2.000.000	4.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai; Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
7	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ Liên minh HTX (4 người x 7 ngày)	Ngày	7	4	300.000	8.400.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
8	Chi phí thăm định đầu thầu (công bố gói thầu...)	Lần		1	3.000.000	3.000.000	Khoản 1b, Điều 6 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai
9	Chi phí khác (phí chuyển khoản ngân hàng và những khoản theo quy định)					1.500.000	
II	Hỗ trợ HTX tham gia đoàn					41.800.000	
1	Thuế xe chở các HTX từ cơ quan Liên minh đến TPHCM và ngược lại	Lượt		2	2.000.000	4.000.000	Khoản 1, Điều 5 và Khoản 1.2, Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
2	Tiền thuê phòng nghỉ cho HTX (6 người): 3 phòng x 6 đêm	Đêm	6	3	1.400.000	25.200.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai (Chỉ theo giá thực tế, báo giá, hợp đồng)
3	Phụ cấp lưu trú cho HTX (6 người x 7 ngày)	Người	7	6	300.000	12.600.000	Khoản 1 Điều 9, Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
Tổng cộng (I+2+3):						703.700.000	
Tổng cộng giai đoạn 2026-2030 (I+II+III+IV+V)						3.452.800.000	

Phụ lục 10: Dự toán kinh phí tuyên truyền về Luật Hợp tác xã và các chính sách hỗ trợ;
phát triển hợp tác xã giai đoạn 2026-2030
 (Kế hoạch được QĐ định số 2846/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Khoản mục chi phí	DVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1. NĂM 2026 (25 lớp)							
1. Chi mở lớp tuyên truyền tập trung tại các xã							
1	Photo tài liệu	Bộ	1	100	30.000	3.000.000	Khoản 2, Điều 11 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
2	Chi phí thuê hội trường (bao gồm: máy chiếu, điện, giữ xe, vệ sinh)	Phòng	1	1	1.500.000	1.500.000	Khoản 1, Điều 11 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
3	Chi cái khẩu hiệu	Khung		1	700.000	700.000	Khoản 8, Điều 11 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
4	Văn phòng phẩm	Lớp	1			250.000	Khoản 2, Điều 11 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
5	Chi nước uống cho học viên	Người	1	100	100.000	10.000.000	Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND và Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
6	Chi hỗ trợ tiền ăn cho học viên	Người	1	100	200.000	20.000.000	Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND và Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
7	Chi tiền báo cáo viên cấp tỉnh	Người	1	1	4.000.000	4.000.000	Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND và Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
8	Phụ cấp tiền ăn báo cáo viên	Người	1	1	300.000	300.000	Điều a, khoản 1, Điều 3 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND tỉnh Đồng Nai
9	Chi thuê xe/xăng xe đi tuyên truyền	Ngày	1	1	3.000.000	3.000.000	Điều d, Khoản 1, Điều 5 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (Chi theo thực tế)
10	Chi công tác phí đi tuyên truyền	Người	1	3	200.000	600.000	Điều d, Khoản 1, Điều 6 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
Cộng chi phí 01 lớp:						43.350.000	
Số lớp:						25	
Cộng 25 lớp:						1.083.750.000	

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
II	Phát hành cuốn tài liệu hỏi - đáp về Luật HTX					102.000.000	
1	Chi phí in ấn cuốn tài liệu hỏi đáp	Cuốn		3.000	30.000	90.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC
2	Chi phí xin giấy phép xuất bản					3.000.000	Chi theo thực tế
3	Chi khác những khoản theo quy định (phí tư vấn, thẩm định kết quả, thẩm định giá,...)					9.000.000	Khoản 8, Điều 11 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
Tổng cộng:						1.185.750.000	
2. NĂM 2027 (26 lớp)							
I. Chi mở lớp tuyên truyền tập trung tại các xã							
1	Photo tài liệu	Bộ	1	100	30.000	3.000.000	Khoản 2, Điều 11 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
2	Chi phí thuê hội trường (bao gồm: máy chiếu, điện, giữ xe, vệ sinh)	Phòng	1	1	1.500.000	1.500.000	Khoản 1, Điều 11 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
3	Chi cất khẩu hiệu	Khung		1	700.000	700.000	Khoản 8, Điều 11 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
4	Văn phòng phẩm	lớp	1			250.000	Khoản 2, Điều 11 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
5	Chi nước uống cho học viên	Người	1	100	100.000	10.000.000	Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND và Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
6	Chi hỗ trợ tiền ăn cho học viên	Người	1	100	200.000	20.000.000	Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND và Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
7	Chi tiền báo cáo viên cấp tỉnh	Người	1	1	4.000.000	4.000.000	Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND và Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
8	Phụ cấp tiền ăn báo cáo viên	Người	1	1	300.000	300.000	Điểm a, khoản 1, Điều 3 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND tỉnh Đồng Nai
9	Chi thuê xe/xăng xe đi tuyên truyền	Ngày	1	1	3.000.000	3.000.000	Điểm d, Khoản 1, Điều 5 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (chỉ theo thực tế)
10	Chi công tác phí đi tuyên truyền	Người	1	3	200.000	600.000	Điểm d,đ, Khoản 1, Điều 6 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
Cộng chi phí 01 lớp:							43.350.000
Số lớp:							26
Cộng 26 lớp:							1.127.100.000
II	Phát hành cuốn tài liệu hỏi - đáp về Luật HTX						102.000.000
1	Chi phí in ấn cuốn tài liệu hỏi đáp	Cuốn		3.000	30.000	90.000.000	Điều a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC
2	Chi phí xin giấy phép xuất bản					3.000.000	Chi theo thực tế
3	Chi khác những khoản theo quy định (phí tư vấn, thẩm định kết quả, thẩm định giá,...)					9.000.000	Khoản 8, Điều 11 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
Tổng cộng:							1.229.100.000
3. NĂM 2028 (28 lớp)							
I. Chi mở lớp tuyên truyền tập trung tại các xã							
1	Photo tài liệu	Bộ	1	100	33.000	3.300.000	Khoản 2, Điều 11 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
2	Chi phí thuê hội trường (bao gồm: máy chiếu, điện, giữ xe, vệ sinh)	Phòng	1	1	1.500.000	1.500.000	Khoản 1, Điều 11 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
3	Chi cắt khẩu hiệu	Khung		1	700.000	700.000	Khoản 8, Điều 11 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
4	Văn phòng phẩm	lớp	1			250.000	Khoản 2, Điều 11 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
5	Chi nước uống cho học viên	Người	1	100	100.000	10.000.000	Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND và Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
6	Chi hỗ trợ tiền ăn cho học viên	Người	1	100	200.000	20.000.000	Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND và Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
7	Chi tiền báo cáo viên cấp tỉnh	Người	1	1	4.000.000	4.000.000	Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND và Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
8	Phụ cấp tiền ăn báo cáo viên	Người	1	1	300.000	300.000	Điều a, khoản 1, Điều 3 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND tỉnh Đồng Nai

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
9	Chi thuê xe/xăng xe đi tuyên truyền	Ngày	1	1	3.000.000	3.000.000	Điểm d, Khoản 1, Điều 5 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (chỉ theo thực tế)
10	Chi công tác phí đi tuyên truyền	Người	1	3	200.000	600.000	Điểm d,đ, Khoản 1, Điều 6 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
	Cộng chi phí 01 lớp:					43.650.000	
	Số lớp:					28	
	Cộng 28 lớp:					1.222.200.000	
II	Phát hành cuốn tài liệu hỏi - đáp về Luật HTX					118.600.000	
1	Chi phí in ấn cuốn tài liệu hỏi đáp	Cuốn		3.200	33.000	105.600.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC
2	Chi phí xin giấy phép xuất bản					3.000.000	Chỉ theo thực tế
3	Chi khác những khoản theo quy định (phí tư vấn, thẩm định kết quả, thẩm định giá,...)					10.000.000	Khoản 8, Điều 11 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
	Tổng cộng:					1.340.800.000	
4. NĂM 2029 (29 lớp)							
I. Chi mở lớp tuyên truyền tập trung tại các xã							
1	Photo tài liệu	Bộ	1	100	33.000	3.300.000	Khoản 2, Điều 11 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
2	Chi phí thuê hội trường (bao gồm: máy chiếu,điện, giữ xe, vệ sinh)	Phòng	1	1	1.500.000	1.500.000	Khoản 1, Điều 11 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
3	Chi cắt khẩu hiệu	Khung		1	700.000	700.000	Khoản 8, Điều 11 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
4	Văn phòng phẩm	lớp	1		250.000	250.000	Khoản 2, Điều 11 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
5	Chi nước uống cho học viên	Người	1	100	100.000	10.000.000	Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND và Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
6	Chi hỗ trợ tiền ăn cho học viên	Người	1	100	200.000	20.000.000	Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND và Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Chí chú
7	Chi tiền báo cáo viên cấp tỉnh	Người	1	1	4.000.000	4.000.000	Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND và Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 6 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
8	Phụ cấp tiền ăn báo cáo viên	Người	1	1	300.000	300.000	Điều a, khoản 1, Điều 3 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND tỉnh Đồng Nai
9	Chi thuê xe/xăng xe đi tuyên truyền	Ngày	1	1	3.000.000	3.000.000	Điều d, Khoản 1, Điều 5 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai (chỉ theo thực tế)
10	Chi công tác phí đi tuyên truyền	Người	1	3	200.000	600.000	Điều d,đ, Khoản 1, Điều 6 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
Cộng chi phí 01 lớp:							
Số lớp:							29
Cộng 29 lớp:							1.265.850.000
Phát hành cuốn tài liệu hỏi - đáp về Luật HTX							118.600.000
1	Chi phí in ấn cuốn tài liệu hỏi đáp	Cuốn		3.200	33.000	105.600.000	Điều a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC
2	Chi phí xin giấy phép xuất bản					3.000.000	Chỉ theo thực tế
3	Chi khác những khoản theo quy định (phí tư vấn, thẩm định kết quả, thẩm định giá,...)					10.000.000	Khoản 8, Điều 11 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
Tổng cộng:							1.384.450.000
5. NĂM 2030 (30 lớp)							
I. Chi mở lớp tuyên truyền tập trung tại các xã							
1	Photo tài liệu	Bộ	1	100	33.000	3.300.000	Khoản 2, Điều 11 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
2	Chi phí thuê hội trường (bao gồm: máy chiếu, điện, giữ xe, vệ sinh)	Phòng	1	1	1.500.000	1.500.000	Khoản 1, Điều 11 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
3	Chi cất khẩu hiệu	Khung		1	700.000	700.000	Khoản 8, Điều 11 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai
4	Văn phòng phẩm	lớp	1			250.000	Khoản 2, Điều 11 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai

[illegible]

Phụ lục 11: Dự toán kinh phí chi tiết thực hiện Chương trình tuyên truyền kinh tế tập thể tỉnh trên sóng truyền hình Đồng Nai năm 2026 (Báo hình)

(Kèm theo Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Khảo mục chi phí	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)	Ghi chú
I	Thực hiện phát sóng 24 chuyên đề KTTT năm 2026 (05 phút)				344.400.000	
1	Chi phí kỹ thuật thực hiện chuyên đề phát sóng *	Chuyên đề	24	10.000.000	240.000.000	Hợp đồng với Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai
2	Chi phí xăng xe/thuê xe 07 chỗ đi cơ sở theo từng chuyên đề (đi khảo sát và thực hiện ghi phỏng vấn, hình 24 chuyên đề) **	Chuyến	24	3.000.000	72.000.000	
3	Chi hỗ trợ thông tin liên lạc (03 người x 300.000đ/th x 12 tháng) **	Tháng	12	300.000	10.800.000	
4	Chi hỗ trợ tiền ăn trưa, nước uống đi cơ sở (03 người/c.đề x 24 chuyên đề) **	Người	72	300.000	21.600.000	
II	Tổ chức tọa đàm (45 phút)				66.000.000	
1	Chi phí kỹ thuật thực hiện tọa đàm phát sóng 2 quý/lần *	Cuộc	2	30.000.000	60.000.000	Hợp đồng với Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai
2	Chi phí thuê xe đưa rước khách mời theo từng chuyên đề (trong tỉnh/ngoài tỉnh) **	Chuyến	2	3.000.000	6.000.000	
III	Thực hiện phóng sự (10 phút)				83.400.000	
1	Chi phí kỹ thuật thực hiện phát sóng phóng sự *	Phóng sự	3	20.000.000	60.000.000	Hợp đồng với Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai
2	Chi phí xăng xe/thuê xe 07 chỗ đi cơ sở theo từng phóng sự (2 chuyến/p.sự) **	Chuyến	6	3.000.000	18.000.000	
3	Chi hỗ trợ nước uống, ăn trưa đi cơ sở (03 người/chuyến x 3 p/sự x 2 chuyến) **	Người	18	300.000	5.400.000	
IV	Chi phí tổ chức ký kết CTPH, sơ kết *	Lần	2	18.900.000	37.800.000	
1	Chi phí phát hành thư mời HTX, THT và đại biểu, khách mời có liên quan	Cái	60	10.000	600.000	
2	Chi phí trang trí hội trường	Lần	1	1.000.000	1.000.000	
3	Chi photo tài liệu (ĐB, khách mời và 2 cơ quan)	Bộ	80	20.000	1.600.000	
4	Chi văn phòng phẩm	Lần	1	500.000	500.000	
5	Chi nước uống hội nghị (ĐB, khách mời và 2 cơ quan)	Người	80	40.000	3.200.000	
6	Chi hỗ trợ ăn trưa đối tượng không hưởng ngân sách	Người	60	200.000	12.000.000	
	Cộng (mục IV)				18.900.000	
V	Chi phí thực hiện gói thầu				10.000.000	
1	Chi phí thực hiện tư vấn gói thầu	Lần	1	10.000.000	10.000.000	Hợp đồng đơn vị tư vấn thực hiện
	Tổng cộng (I+II+III+IV)				541.600.000	

Ghi chú: (*) Theo báo giá của đơn vị thực hiện.

(**) Thực hiện theo phát sinh và đơn giá thực tế.

Phụ lục 11: Dự toán kinh phí chi tiết thực hiện Chương trình tuyên truyền kinh tế tập thể tỉnh trên sóng truyền hình Đồng Nai năm 2027 (Báo hình)

(Kèm theo Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)	Ghi chú
I	Thực hiện phát sóng 24 chuyên đề KTTT năm 2027				387.600.000	
1	Chi phí kỹ thuật thực hiện chuyên đề phát sóng	Chuyên đề	24	10.000.000	240.000.000	Hợp đồng với Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai
2	Chi phí xăng xe/thuê xe 07 chỗ đi cơ sở theo từng chuyên đề (đi khảo sát và thực hiện ghi hình 24 chuyên đề) **	Chuyến	24	3.000.000	72.000.000	
3	Chi hỗ trợ thông tin liên lạc (03 người x 300.000đ/th x 12 tháng) **	Tháng	12	300.000	10.800.000	
4	Chi hỗ trợ ăn trưa, nước uống đi cơ sở (03 người/c.đề x 24 chuyến) **	Người	72	300.000	64.800.000	
II	Tổ chức tọa đàm				66.000.000	
1	Chi phí kỹ thuật thực hiện tọa đàm phát sóng 2 quý/lần *	Cuộc	2	30.000.000	60.000.000	Hợp đồng với Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai
2	Chi phí thuê xe đưa rước khách mời theo từng chuyên đề (trong tỉnh/ngoài tỉnh) **	Chuyến	2	3.000.000	6.000.000	
III	Thực hiện phóng sự				83.400.000	
1	Chi phí kỹ thuật thực hiện phát sóng phóng sự *	Phóng sự	3	20.000.000	60.000.000	Hợp đồng với Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai
2	Chi phí thuê xe đi cơ sở theo từng phóng sự (2 chuyến/1 phóng sự)	Chuyến	6	3.000.000	18.000.000	
3	Chi hỗ trợ nước uống, ăn trưa đi cơ sở (03 người/chuyến x 3 p/sự x 2 chuyến) **	người	18	300.000	5.400.000	
IV	Chi phí tổ chức ký kết CTPH, sơ kết *	lần	2	18.800.000	37.600.000	
1	Chi phí phát hành thư mời HTX, THT và đại biểu, khách mời có liên quan	Cái	60	10.000	600.000	
2	Chi phí trang trí hội trường	Lần	1	1.000.000	1.000.000	
3	Chi photo tài liệu (ĐB, khách mời và 2 cơ quan)	Bộ	80	20.000	1.600.000	
4	Chi văn phòng phẩm	Lần	1	400.000	400.000	
5	Chi nước uống HN (ĐB, khách mời và 2 cơ quan)	Người	80	40.000	3.200.000	
6	Chi hỗ trợ ăn trưa cho đối tượng không hưởng ngân sách	Người	60	200.000	12.000.000	
	Cộng mục IV				18.800.000	
V	Chi phí thực hiện gói thầu				10.000.000	
1	Chi phí thực hiện tư vấn gói thầu	Lần	1	10.000.000	10.000.000	Hợp đồng đơn vị tư vấn thực hiện
	Tổng cộng (I+II+III+IV)				584.600.000	

Ghi chú: (*) Theo báo giá của đơn vị thực hiện.

(**) Thực hiện theo phát sinh và đơn giá thực tế.

Phụ lục 11: Dự toán kinh phí chi tiết thực hiện Chương trình tuyên truyền kinh tế tập thể tỉnh trên sóng truyền hình Đồng Nai năm 2028 (Báo hình)

(Kèm theo Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)	Ghi chú
I	Thực hiện phát sóng 24 chuyên đề KTTT năm 2028				387.600.000	
1	Chi phí kỹ thuật thực hiện chuyên đề phát sóng	Chuyên đề	24	10.000.000	240.000.000	Hợp đồng với Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai
2	Chi phí xăng xe/thuê xe 07 chỗ đi cơ sở theo từng chuyên đề (đi khảo sát và thực hiện ghi hình 24 chuyên đề) **	Chuyến	24	3.000.000	72.000.000	
3	Chi hỗ trợ thông tin liên lạc (03 người x 300.000đ/th x 12 tháng) **	Tháng	12	300.000	10.800.000	
4	Chi hỗ trợ ăn trưa, nước uống đi cơ sở (03 người/c.đề x 24 chuyến) **	Người	72	300.000	64.800.000	
II	Tổ chức tọa đàm				66.600.000	
1	Chi phí kỹ thuật thực hiện tọa đàm phát sóng 2 quý/lần *	Cuộc	2	30.000.000	60.000.000	Hợp đồng với Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai
2	Chi phí thuê xe đưa rước khách mời theo từng chuyên đề (trong tỉnh/ngoài tỉnh) **	Chuyến	2	3.300.000	6.600.000	
III	Thực hiện phóng sự				85.200.000	
1	Chi phí kỹ thuật thực hiện phát sóng phóng sự *	Phóng sự	3	20.000.000	60.000.000	Hợp đồng với Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai
2	Chi phí thuê xe đi cơ sở theo từng phóng sự (2 chuyến/1 phóng sự)	Chuyến	6	3.300.000	19.800.000	
3	Chi hỗ trợ nước uống, ăn trưa đi cơ sở (03 người/chuyến x 3 p/sự x 2 chuyến) **	người	18	300.000	5.400.000	
IV	Chi phí tổ chức ký kết CTPH, sơ kết *	lần	2	18.800.000	37.600.000	
1	Chi phí phát hành thư mời HTX, THT và đại biểu, khách mời có liên quan	Cái	60	10.000	600.000	
2	Chi phí trang trí hội trường	Lần	1	1.000.000	1.000.000	
3	Chi photo tài liệu (ĐB, khách mời và 2 cơ quan)	Bộ	80	20.000	1.600.000	
4	Chi văn phòng phẩm	Lần	1	400.000	400.000	
5	Chi nước uống HN (ĐB, khách mời và 2 cơ quan)	Người	80	40.000	3.200.000	
6	Chi hỗ trợ ăn trưa cho đối tượng không hưởng ngân sách	Người	60	200.000	12.000.000	
	Cộng mục IV				18.800.000	
V	Chi phí thực hiện gói thầu				10.000.000	
1	Chi phí thực hiện tư vấn gói thầu	Lần	1	10.000.000	10.000.000	Hợp đồng đơn vị tư vấn thực hiện
	Tổng cộng (I+II+III+IV)				587.000.000	

Ghi chú: (*) Theo báo giá của đơn vị thực hiện.

(**) Thực hiện theo phát sinh và đơn giá thực tế.

Phụ lục 11: Dự toán kinh phí chi tiết thực hiện Chương trình tuyên truyền kinh tế tập thể tỉnh trên sóng truyền hình Đồng Nai năm 2029 (Báo hình)

(Kèm theo Quyết định số 1846/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)	Ghi chú
I	Thực hiện phát sóng 24 chuyên đề KTTT năm 2029				387.600.000	
1	Chi phí kỹ thuật thực hiện chuyên đề phát sóng	Chuyên đề	24	10.000.000	240.000.000	Hợp đồng với Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai
2	Chi phí xăng xe/thuê xe 07 chỗ đi cơ sở theo từng chuyên đề (đi khảo sát và thực hiện ghi hình 24 chuyên đề) **	Chuyến	24	3.000.000	72.000.000	
3	Chi hỗ trợ thông tin liên lạc (03 người x 300.000đ/th x 12 tháng) **	Tháng	12	300.000	10.800.000	
4	Chi hỗ trợ tiền ăn trưa, nước uống đi cơ sở (03 người/c.đề x 24 chuyên đề) **	Người	72	300.000	64.800.000	
II	Tổ chức tọa đàm				66.600.000	
1	Chi phí kỹ thuật thực hiện tọa đàm phát sóng 2 quý/lần *	Cuộc	2	30.000.000	60.000.000	Hợp đồng với Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai
2	Chi phí thuê xe đưa rước khách mời theo từng chuyên đề (trong tỉnh/ngoài tỉnh) **	Chuyến	2	3.300.000	6.600.000	
III	Thực hiện phóng sự				85.200.000	
1	Chi phí kỹ thuật thực hiện phát sóng phóng sự *	Phóng sự	3	20.000.000	60.000.000	Hợp đồng với Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai
2	Chi phí thuê xe đi cơ sở theo từng phóng sự (2 chuyến/1 phóng sự)	Chuyến	6	3.300.000	19.800.000	
3	Chi hỗ trợ nước uống, ăn trưa đi cơ sở (03 người/chuyến x 3 p/sự x 2 chuyến) **	người	18	300.000	5.400.000	
IV	Chi phí tổ chức ký kết CTPH, sơ kết *	lần	2	18.800.000	37.600.000	
1	Chi phí phát hành thư mời HTX, THT và đại biểu, khách mời có liên quan	Cái	60	10.000	600.000	
2	Chi phí trang trí hội trường	Lần	1	1.000.000	1.000.000	
3	Chi photo tài liệu (ĐB, khách mời và 2 cơ quan)	Bộ	80	20.000	1.600.000	
4	Chi văn phòng phẩm	Lần	1	400.000	400.000	
5	Chi nước uống HN (ĐB, khách mời và 2 cơ quan)	Người	80	40.000	3.200.000	
6	Chi hỗ trợ ăn trưa cho đối tượng không hưởng ngân sách	Người	60	200.000	12.000.000	
	Cộng mục IV				18.800.000	
V	Chi phí thực hiện gói thầu				10.000.000	
1	Chi phí thực hiện tư vấn gói thầu	Lần	1	10.000.000	10.000.000	Hợp đồng đơn vị tư vấn thực hiện
	Tổng cộng (I+II+III+IV)				587.000.000	

Ghi chú: (*) Theo báo giá của đơn vị thực hiện.

(**) Thực hiện theo phát sinh và đơn giá thực tế.

Phụ lục 11: Dự toán kinh phí chi tiết thực hiện Chương trình tuyên truyền kinh tế tập thể tỉnh trên sóng truyền hình Đồng Nai năm 2030 (Báo hình)

(Kèm theo Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)	Ghi chú
I	Thực hiện phát sóng 24 chuyên đề KT-TT năm 2030				387.600.000	
1	Chi phí kỹ thuật thực hiện chuyên đề phát sóng	Chuyên đề	24	10.000.000	240.000.000	Hợp đồng với Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai
2	Chi phí xăng xe/thuê xe 07 chỗ đi cơ sở theo từng chuyên đề (đi khảo sát và thực hiện ghi hình 24 chuyên đề) **	Chuyến	24	3.000.000	72.000.000	
3	Chi hỗ trợ thông tin liên lạc (03 người x 300.000đ/th x 12 tháng) **	Tháng	12	300.000	10.800.000	
4	Chi hỗ trợ ăn trưa, nước uống đi cơ sở (03 người/c.đề x 24 chuyên đề) **	Người	72	300.000	64.800.000	
II	Tổ chức tọa đàm				67.000.000	
1	Chi phí kỹ thuật thực hiện tọa đàm phát sóng 2 quý/lần *	Cuộc	2	30.000.000	60.000.000	Hợp đồng với Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai
2	Chi phí thuê xe đưa rước khách mời theo từng chuyên đề (trong tỉnh/ngoài tỉnh) **	Chuyến	2	3.500.000	7.000.000	
III	Thực hiện phóng sự				86.400.000	
1	Chi phí kỹ thuật thực hiện phát sóng phóng sự *	Phóng sự	3	20.000.000	60.000.000	Hợp đồng với Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai
2	Chi phí thuê xe đi cơ sở theo từng phóng sự (2 chuyến/1 phóng sự)	Chuyến	6	3.500.000	21.000.000	
3	Chi hỗ trợ nước uống, ăn trưa đi cơ sở (03 người/chuyến x 3 p/sự x 2 chuyến) **	người	18	300.000	5.400.000	
IV	Chi phí tổ chức ký kết CTPH, Tổng kết *	lần	2	24.200.000	48.400.000	
1	Chi phí phát hành thư mời HTX, THT và đại biểu, khách mời có liên quan	Cái	80	10.000	800.000	
2	Chi phí trang trí hội trường	Lần	1	1.000.000	1.000.000	
3	Chi photo tài liệu (ĐB, khách mời và 2 cơ quan)	Bộ	100	20.000	2.000.000	
4	Chi văn phòng phẩm	Lần	1	400.000	400.000	
5	Chi nước uống HN (ĐB, khách mời và 2 cơ quan)	Người	100	40.000	4.000.000	
6	Chi hỗ trợ ăn trưa cho đối tượng không hưởng ngân sách	Người	80	200.000	16.000.000	
	Cộng mục IV				24.200.000	
V	Chi phí thực hiện gói thầu				10.000.000	
1	Chi phí thực hiện tư vấn gói thầu	Lần	1	10.000.000	10.000.000	Hợp đồng đơn vị tư vấn thực hiện
	Tổng cộng (I+II+III+IV)				599.400.000	

Ghi chú: (*) Theo báo giá của đơn vị thực hiện.

(**) Thực hiện theo phát sinh và đơn giá thực tế.

TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN
Chương trình tuyên truyền kinh tế tập thể tỉnh với Cơ quan Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030 (trên sóng truyền hình)
(Kèm theo Quyết định số 2846 /QĐ-UBND ngày 24 / 11 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Năm thực hiện	Số tiền (Đơn vị tính: Đồng)	Ghi chú
1	Năm 2026	541.600.000	Ký Chương trình phối hợp và Hợp đồng thực hiện hàng năm giữa Liên minh HTX tỉnh với Cơ quan thực hiện tuyên truyền
2	Năm 2027	584.600.000	
3	Năm 2028	587.000.000	
4	Năm 2029	587.000.000	
5	Năm 2030	599.400.000	
	Tổng cộng	2.899.600.000	

Phụ lục 12: Dự toán kinh phí tổ chức lớp bồi dưỡng củng cố, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

(Kèm theo Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

- Đối tượng: Cán bộ và người làm việc, người lao động Cơ quan Liên minh Hợp tác xã tỉnh
- Số lượng: 50 học viên;
- Số ngày học: 03 ngày

TT	Nội dung	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Mức chi	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi phí cho học viên					15.000.000	
1,1	Nước uống giữa giờ (3 ngày x50 người)	Ngày	3	50	100.000	15.000.000	Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND và Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
2	Chi phí cho giảng viên					31.800.000	
2,1	Thù lao giảng viên (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng)	Ngày	3		8.000.000	24.000.000	Thông tư 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 (Điểm a, khoản 2, điều 4)
2,2	Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	ngày	5	5	300.000	1.500.000	Điểm a, khoản 1, Điều 3 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND tỉnh Đồng Nai
2,3	Hỗ trợ chi phí đi lại cho giảng viên	người	5	2	450.000	4.500.000	Thông tư 40/2017/TT-BTC (Điểm b, khoản 2, điều 5)
2,4	Hỗ trợ chi phí ở cho giảng viên	ngày	4	1	450.000	1.800.000	Thông tư 40/2017/TT-BTC (Điểm b, khoản 2, điều 7)
3	Chi công tác tổ chức lớp học					53.500.000	
3,1	Tài liệu học tập	cuốn		50	50.000	2.500.000	Chi theo thực tế
3,2	In chứng chỉ	cái		50	0	0	Chi theo thực tế
3,3	Thuê hội trường, có màn hình led để giảng dạy	ngày		3	15.000.000	45.000.000	Chi theo thực tế
3,4	Thuê thiết kế phòng sân khấu (khai giảng, bế giảng)	lần		2	1.000.000	2.000.000	Chi theo thực tế

TT	Nội dung	ĐVT	Số ngày	Số lượng	Mức chi	Thành tiền	Ghi chú
3,5	Văn phòng phẩm					500.000	Chi theo thực tế
3,6	Chi phí khác (photo thông báo chiêu sinh, in bao thư, cước bưu điện gửi thông báo, ...)					3.500.000	
4	Chi phí quản lý lớp học					4.800.000	
	Chi phí quản lý lớp học và nhân công thực hiện	người	3	8	200.000	4.800.000	Thông tư 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 (Điểm a, khoản 2, điều 4)
	Tổng cộng (1+2+3+4):					105.100.000	
	Năm 2026					105.100.000	
	Năm 2027					105.100.000	
	Năm 2028					105.100.000	
	Năm 2029					105.100.000	
	Năm 2030					105.100.000	
	Tổng Giai đoạn 2026-2030					525.500.000	